BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HOÀNG THANH BÌNH

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HOÀNG THANH BÌNH

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 8 34 03 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. PHAN THỊ THU MAI

Hà Nội, 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Hoàng Thanh Bình

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu đề tài: "*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư",* tác giả đã gặp rất nhiều khó khăn song do nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô giáo, của ban lãnh đạo, của các phòng ban trong công ty khảo sát, tác giả đã hoàn thành được đề tài theo đúng kế hoạch.

Trước tiên, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến TS. Phan Thị Thu Mai đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Đồng thời, tác giả xin gửi lời cảm ơn tới các thầy cô Khoa Kế toán và Khoa Sau đại học của trường Đại học Lao Động – Xã Hội đã giúp đỡ, tạo điều kiện cho tác giả trong quá trình viết luận văn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư đã tạo điều kiện cho tác giả tìm hiểu, nghiên cứu tại Quý Công ty. Lời cảm ơn của tác giả xin được gửi đến các anh chị phòng kế toán đã giúp đỡ, hướng dẫn và cung cấp tài liệu nghiên cứu, trao đổi và giải đáp những vướng mắc trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Do thời gian nghiên cứu và trình độ hạn chế, đề tài không tránh khỏi sai sót, tác giả mong muốn sẽ nhận được nhiều đóng góp quý báu từ các thầy cô và bạn đọc để luận văn được hoàn thiện hơn nữa và có ý nghĩa thiết thực trong thực tiễn áp dụng.

Tác giả

Hoàng Thanh Bình

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ..... **I**

DANH MỤC SƠ ĐỒ ..... **II**

MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài 1

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài 2

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu 4

3.1. Mục đích nghiên cứu 4

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu 4

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 4

6. Phương pháp nghiên cứu 5

7. Những đóng góp mới của luận văn 5

8. Kết cấu của luận văn 5

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH **7**

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 7

1.1.1. Một số vấn đề về doanh thu 7

1.1.2. Một số vấn đề về chi phí 11

1.1.3. Một số vấn đề về xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 16

1.1.4. Các nguyên tắc kế toán chi phối kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 18

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính 20

1.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác 20

1.2.2. Kế toán chi phí 22

1.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh 24

1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán quản trị 25
1.3.1. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 25
1.3.2. Thu thập thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh 28
1.3.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ việc ra quyết định 31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ 35
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 35
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty 35
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty 36
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty 37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty 39
2.2. Đặc điểm doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty ... 44
2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí tại công ty 44
2.2.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tại Công ty 47
2.2.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh tại Công ty 48
2.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trên góc độ kế toán tài chính 48
2.3.1. Kế toán doanh thu 49
2.3.2. Kế toán chi phí 51
2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 56
2.4. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trên góc độ kế toán quản trị 56
2.4.1. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 57
2.4.2.Thu thập thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 60
2.4.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ việc ra quyết định tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 61
2.5. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 62
2.5.1. Một số ưu điểm và kết quả đạt được 62
2.5.2. Một số hạn chế và nguyên nhân 65
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ 69
3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trong tương lai 69
3.1.1. Mục tiêu kinh doanh 69
3.1.2. Chiến lược phát triển 70
3.2. Yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 71
3.3. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư 72
3.3.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính 73
3.3.2. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị 77
3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư ... 84
3.4.1. Về phía công ty 84

3.4.2. Về phía cơ quan quản lý nhà nước..... 86
KẾT LUẬN 88
TÀI LIỆU THAM KHẢO 89

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	**Chữ viết tắt**
BCTC	Báo cáo tài chính
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CP	Cổ phần
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQLDN	Chi phí quản lý doanh nghiệp
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
GTGT	Giá trị gia tăng
GVHB	Giá vốn hàng bán
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KQKD	Kết quả kinh doanh
KTQT	Kế toán quản trị
KTTC	Kế toán tài chính
LN	Lợi nhuận
NCTT	Nhân công trực tiếp
NV	Nhân viên
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.....37
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....40
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.....43
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ mô hình kế toán quản trị.....77

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thế giới, ngành dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân của các nước, đặc biệt tại nhóm nước phát triển, dịch vụ được đánh giá là khu vực trọng điểm cho sự phát triển kinh tế. Tại Việt Nam, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đang diễn ra theo hướng tích cực, đóng góp của ngành dịch vụ trong GDP ngày càng tăng, các ngành dịch vụ phát triển theo hướng nâng tỷ trọng các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như dịch vụ du lịch, vận tải kho bãi... Trước bối cảnh nước ta đẩy mạnh tái cơ cấu gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, ngành dịch vụ không chỉ trực tiếp tạo động lực phát triển mà còn tạo lập và củng cố sự liên kết, bảo đảm đầu ra cho các ngành công - nông nghiệp và tác động lan tỏa tới mọi lĩnh vực trong nền kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển dịch vụ còn nhiều hạn chế, tốc độ tăng chưa bền vững, số lượng doanh nghiệp trong ngành dịch vụ tăng nhanh nhưng quy mô còn rất nhỏ và giá trị gia tăng bình quân của doanh nghiệp đang có xu hướng giảm. Do đó, muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này cần nâng cao chất lượng và đa dạng hóa loại hình dịch vụ, phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất, mà hiệu quả đó được đo lường bởi chỉ tiêu lợi nhuận. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với nhiệm vụ tính toán, tập hợp chi phí có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quá trình kinh doanh, xác định chính xác doanh thu thực tế phát sinh luôn đóng vai trò quan trọng, là cơ sở để xác định được kết quả hoạt động kinh doanhcủa doanh nghiệp. Bên cạnh đó, thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp sẽ giúp nhà quản trị theo dõi, nắm bắt, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp một cách hiệu quả; từ đó đưa quyết định kinh doanh phù hợp nhằm đảm bảo

sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, tôi đã chọn đề tài: **"Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư"** để làm đề tài nghiên cứu luận văn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Qua nghiên cứu và tìm hiểu thực tế về các công trình nghiên cứu về kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh ở Việt Nam hiện nay thì đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này trước đó như:

Đinh Thị Luyến (2019), "Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Truyền thông điều khiển Hoa Ban", Luận văn thạc sĩ kế toán; Trường Đại học Lao động Xã hội. Tác giả đã đưa ra những ý kiến đề xuất hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Truyền thông điều khiển Hoa Ban.

Hoàng Thị Thu Giang (2017), "Kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Kiên", Luận văn thạc sĩ kế toán; Học viện Tài chính. Luận văn cho ta cái nhìn tổng quát về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Kiên và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty phát hành tạp chí Hà Nội.

Lê Thị Thùy Dương (năm 2017) "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Thương mại Hưng Thuận Thành", Luận văn thạc sĩ kế toán; Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

Đề tài đã nghiên cứu về kế toán DT, CP, XĐKQKD tại Công ty cổ phần Thương mại Hưng Thuận Thành, theo tác giả kế toán DT, CP, XĐKQKD hiện nay chưa được coi trọng trong các doanh nghiệp Thương mại, trên cơ sở nghiên cứu về thực trạng kế toán DT, CP, XĐKQKD của các DN

kinh doanh Thương mại tác giả đã đưa ra giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán DT, CP, XĐKQKD tại Công ty cổ phần Thương mại Hưng Thuận Thành

Qua nghiên cứu của một số tác giả về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại một số lĩnh vực thương mại dịch vụ, các nghiên cứu khác đã thành công trong việc:

Đưa ra được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp ở Việt Nam trong các lĩnh vực khác nhau.

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu đã công bố, đã có nhiều nghiên cứu về công tác kế toán CP, kế toán DT, kế toán KQKD của DN dưới góc độ kế toán tài chính hay kế toán quản trị nhưng chủ yếu dưới góc độ kế toán tài chính. Thông qua những luận văn trên đã phần nào cho chúng ta thấy được những tồn tại, khó khăn liên quan đến kế toán doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh đồng thời các tác giả cũng đưa ra được những ý kiến giải pháp đối với những vấn đề đó. Tuy nhiên cho đền nay chưa có đề tài nào đề cập đến việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư. Vì vậy tôi đã lựa chọn nghiên cứu đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư". Hiện tại chưa có đề tài nào thực hiện nghiên cứu, phân tích, đánh giá và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp này, do đó có thể khẳng định đề tài hoàn toàn độc lập và hoàn toàn không trùng với công trình nghiên cứu trước đây.Nghiên cứu thực tế phần hành kế toán liên quan đến nội dung trên ở Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư, ngoài việc phản ánh công tác kế toán tài chính, tác giả sẽ chú trọng đề cập đến công tác kế toán quản trị và mạnh dạn đề xuất một số giải pháp, kiến nghị ứng dụng vào thực tiễn của công ty nói riêng và các công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, vận tải kho bãi nói chung.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư. Từ đó đưa ra giải pháp về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi về thời gian: năm 2019.

Phạm vi về không gian: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư.

Phạm vi nội dung: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

5. Câu hỏi nghiên cứu

- Cơ sở lý luận về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như thế nào?

- Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư như thế nào?

- Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư cần những giải pháp nào?

6. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng: Đề tài được nghiên cứu với nhiều phương pháp khác nhau như: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh, đánh giá nhận xét.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tham khảo các văn bản do Bộ Tài Chính ban hành; sách báo, giáo trình do các giảng viên biên soạn vả giảng dạy; các nguồn tài liệu từ website của công ty và các website chuyên ngành về kế toán, kiểm toán.

Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu: được áp dụng để thu thập số liệu taiphòng Kế toán thông quá các chứng từ, sổ sách, báo cáo của công ty, sau đó toàn bộ số liệu sẽ được xử lý và chọn lọc một cách hợp lý và khoa học.

Phương pháp tổng hợp, phân tích: từ những tài liệu, số liệu đã được xử lý vàphân tích, so sánh và đối chiếu để nhận rõ những ưu điểm, nhược điểm, tìm ra nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục.

7. Những đóng góp mới của luận văn

Về mặt lý luận: Luận văn hệ thống hóa những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư năm 2019, luận văn chỉ ra các ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại, đề xuất các giải pháp, điều kiện thực hiện nhằm hoàn thiện doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trong thời gian tới.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, kết cấu luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề về doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Doanh thu là một trong những chỉ tiêu quan trọng, cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin cần thiết làm căn cứ đánh giá một cách khái quát kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định để từ đó ra các quyết định kinh tế đúng đắn. Hiện có rất nhiều quan điểm và cách hiểu về doanh thu:

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "doanh thu và thu nhập khác": *"Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu"*

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung" thì doanh thu được hiểu là *"tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu"*

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế số 18 - Doanh thu (IAS 18*): "Doanh thu là luồng thu gộp các lợi ích kinh tế trong kỳ, phát sinh trong quá trình hoạt động thông thường, làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu, chứ không phải*

phần đóng góp của những người tham gia góp vốn cổ phần. Doanh thu loại trừ những khoản thu cho bên thứ ba ví dụ như thuế giá trị gia tăng".

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp "*Doanh thu được hiểu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba"*.

Trên thực tế có rất nhiều khái niệm về doanh thu, tuy nhiên về bản chất thì doanh thu chính là tổng lợi ích phát sinh từ HĐKD mà doanh nghiệp đã thu được trong kỳ kế toán. Việc nhận thức rõ bản chất của doanh thu và xác định đúng đắn phạm vi, thời điểm, cơ sở ghi nhận doanh thu có tính chất quyết định đến tính khách quan, trung thực của chỉ tiêu doanh thu trong BCTC, góp phần mang lại thắng lợi trong các quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2. Phân loại doanh thu

Phân loại theo nội dung doanh thu bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các loại phụ thu (nếu có). Trong đó:

Doanh thu bán hàng: Là doanh thu bán sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là doanh thu thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hay nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động…

Doanh thu hoạt động tài chính: Là những khoản thu và lãi liên quan đến hoạt động về vốn của doanh nghiệp như: khoản thu từ hoạt động góp vốn liên doanh (ngoài vốn góp), khoản thu về hoạt động đầu tư, bán chứng khoán, khoản thu về cho thuê TSCĐ, thu lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, lãi bán ngoại tệ.

Thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm: thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ; các khoản quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

Phân loại theo phương thức thanh toán tiền hàng gồm:

Doanh thu bán hàng thu tiền ngay: Là toàn bộ các khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...đã bán trong kỳ và đã được khách hàng trả tiền ngay khi phát sinh doanh thu.

Doanh thu bán hàng chịu: Là toàn bộ các khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...đã bán trong kỳ, đã được ghi nhận doanh thu. Tuy nhiên, khách hàng còn nợ tiền hàng (khách hàng mua chịu).

Doanh thu nhận trước: Là toàn bộ các khoản doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ...đã bán trong kỳ, khách hàng đã trả tiền trước cho nhiều kỳ.

Phân loại doanh thu theo mối quan hệ với điểm hòa vốn

Doanh thu hòa vốn: Là doanh thu mà tại đó mà lợi nhuận của các sản phẩm dịch vụ bằng không hay doanh thu bằng chi phí.

Doanh thu an toàn: Là mức doanh thu lớn hơn mức doanh hòa vốn hay nói cách khác là mức doanh thu mà DN có được khi bù đắp được các khoản chi phí.

Với cách phân loại này giúp DN xác định được điểm hòa vốn hay điểm an toàn cho từng phương án kinh doanh, trên cơ sở đó DN đưa ra lựa chọn chính xác phương án kinh doanh tối ưu nhất cho DN của mình.

1.1.1.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời cả 5 điều kiện sau:

Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.2. Một số vấn đề về chi phí

1.1.2.1. Khái niệm về chi phí

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung": *"Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu".*

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 01 thì: *chi phí là khoản làm giảm lợi ích kinh tế dưới dạng luồng chi hoặc giảm giá trị tài sản, hoặc phát sinh nợ dẫn tới giảm vốn chủ sở hữu (không phải các khoản giảm do phân chia cho các chủ sở hữu)*.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán DN: *"Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa".*

Đặc điểm chung của chi phí: Chi phí là hao phí tài nguyên (kể cả hữu hình và vô hình), vật chất, lao động. Những hao phí này phải gắn liền với mục đích sản xuất kinh doanh, phải định lượng được bằng tiền và được xác định trong một khoảng thời gian nhất định.

1.1.2.2. Phân loại chi phí

Chi phí là một trong những yếu tố trung tâm của công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí có rất nhiều loại vì vậy cần phải phân loại nhằm phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán. Phân loại là việc sắp xếp các loại chi phí khác nhau vào từng nhóm theo đặc trưng nhất định. Tuy nhiên lựa chọn tiêu thức phân loại nào là phải dựa vào yêu cầu của công tác quản lý hạch toán.

Phân loại chi phí trên góc độ kế toán tài chính:

Trong kế toán tài chính, chi phí được hiểu theo nghĩa là những hao phí mà DN chi ra có thể đo lường được bằng tiền tệ để đạt được mục tiêu kinh doanh của DN. Tùy theo mục đích, chi phí trong kế toán tài chính có thể được phân loại theo yếu tố chi phí, theo khoản mục chi phí hoặc theo quan hệ với báo cáo tài chính.

Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế:

Chi phí nguyên liệu và vật liệu: gồm chi phí về nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trực tiếp tạo ra sản phẩm, dịch vụ.

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm chi phí lương, tiền công, các khoản trích nộp của công nhân trực tiếp tạo ra sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp phải nộp theo quy định như bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế của công nhân sản xuất.

Chi phí khấu hao TSCĐ máy móc thiết bị: phản ánh tổng số khấu hao TSCĐ trong kỳ của tất cả TSCĐ sử dụng cho SXKD của doanh nghiệp.

Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh toàn bộ chi phí cho các dịch vụ mua ngoài dùng vào SXKD.

Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào HĐXSKD trong kỳ.

Theo cách phân loại này thì chi phí SXKD phát sinh nếu có cùng nội dung kinh tế thì được sắp xếp vào một yếu tố bất kể nó phát sinh ở bộ phận nào, dùng để sản xuất ra sản phẩm nào và cách phân loại này cũng cho ta biết các loại chi phí đó là bao nhiêu.

Phân loại theo khoản mục chi phí có trong giá thành sản phẩm dịch vụ:

Theo cách phân loại này, toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm của DN được chia làm các loại như sau:

Giá vốn hàng bán: Là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hay giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng: Là chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng đó là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ. Loại chi phí này bao gồm: chi phí quảng cáo; chi phí giao hàng, giao dịch; hoa hồng bán hàng; chi phí nhân viên bán hàng và chi phí khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý SXKD có tính chất chung toàn doanh nghiệp. Bao gồm: chi phí nhân viên quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; khấu hao TSCĐ dùng cho cho toàn doanh nghiệp; các loại thuế phí có tính chất chi phí; chi phí khánh tiết, chi phí hội nghị...

Cách phân loại này giúp cho nhà quản trị DN nắm được KQKD lãi hoặc lỗ của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà DN kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí QLDN cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật nghiên cứu.

Phân loại chi phí trên góc độ kế toán quản trị

Do mục đích của kế toán quản trị là cung cấp thông tin thích hợp, hữu ích, kịp thời cho việc ra quyết định của nhà quản trị nên trong kế toán quản trị, thuật ngữ chi phí được sử dụng linh hoạt theo từng mục đích và nhu cầu sử dụng thông tin của nhà quản trị trong từng tình huống cụ thể. Trong mỗi tình huống, việc xác định và tính toán chi phí cũng khác nhau.

Phân loại chi phí theo đối tượng hạch toán chi phí: Căn cứ vào khả năng quy nạp chi phí cho từng đối tượng hạch toán chi phí, chi phí được phân loại thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp. Trong đó:

Chi phí trực tiếp là những chi phí có thể xác định và hạch toán cho từng đối tượng hạch toán chi phí một cách đơn giản và hiệu quả ngay từ khi phát sinh chi phí.

Chi phí gián tiếp là những chi phí không thể xác định được hao phí cho từng đối tượng hạch toán chi phí một cách đơn giản và hiệu quả.

Phân loại chi phí theo quan hệ với quá trình sản xuất: Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

Chi phí sản xuất bao gồm những chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất của DN như: chi phí vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Chi phí ngoài sản xuất là những chi phí phát sinh liên quan đến các hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Phân loại chi phí theo quan hệ với báo cáo tài chính: Dựa vào mối quan hệ của chi phí với các báo cáo tài chính, chi phí được chia thành chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

Chi phí sản phẩm là những chi phí được tính vào giá thành sản phẩm dịch vụ. Các chi phí này phát sinh trong quá trình sản xuất của DN.

Chi phí thời kỳ là những chi phí phát sinh và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trong cùng một kỳ kế toán. Chi phí thời kỳ bao gồm: Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phân loại theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động: Theo cách phân loại này, chi phí được chia thành biến phí và định phí.

Biến phí là những chi phí mà tổng của nó thay đổi khi khối lượng hoạt động thay đổi.

Định phí là những chi phí mà tổng của nó không thay đổi khi khối lượng hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp. Phạm vi phù hợp là phạm vi nằm trong giới hạn công suất của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà xưởng...

1.1.2.3. Điều kiện ghi nhận chi phí

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung":

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán DN:

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp,

nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

1.1.3. Một số vấn đề về xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm về kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm), biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra và doanh thu đã thu về trong kỳ. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì kết kinh doanh là lãi, doanh thu nhỏ hơn chi phí thì kết quả kinh doanh là lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh: Là kết quả hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất, kinh doanh chính và sản xuất, kinh doanh phụ của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là kết quả hoạt động đầu tư về vốn vào các doanh nghiệp, tổ chức khác như: đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư vào doanh nghiệp con, đầu tư vào doanh nghiệp liên kết, đầu tư vào doanh

nghiệp liên doanh đồng kiểm soát, đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Kết quả hoạt động khác: Là kết quả các hoạt động mang tính không thường xuyên của doanh nghiệp.

1.1.3.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác

Xác định Lợi nhuận thuần từ Hoạt động kinh doanh

LN thuần từ HĐKD	=	Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh	+	Kết quả hoạt động tài chính

Sau khi đã xác định được lợi nhuận của các hoạt động, kế toán tiến hành tổng hợp lại được lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp như sau :

Tổng LN trước thuế	=	LN thuần từ HĐKD	+	LN khác

TNDN

Phần còn lại của lợi nhuận sau khi trừ số thuế TNDN chính là lợi nhuận sau thuế (lợi nhuận ròng):

Lợi nhuận sau thuế	=	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế TNDN phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành.

Thời điểm xác định kết quả kinh doanh

Việc xác định kết quả kinh doanh thường được tiến hành vào cuối kỳ kinh doanh, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp.

Thời điểm xác định kết quả kinh doanh được xác định tùy thuộc vào từng doanh nghiệp, tùy yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Chính vì vậy mà thời điểm xác định kết quả kinh doanh sẽ không phải là một thời điểm mà nhiều thời điểm trong năm

1.1.4. Các nguyên tắc kế toán chi phối kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Theo nguyên tắc này thì các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

Nguyên tắc phù hợp: Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chi phí và doanh thu là hai mặt thống nhất của cùng một quá trình, chi phí là cơ sở nguồn gốc tạo ra doanh thu, doanh thu là kết quả của chi phí bỏ

ra, là nguồn bù đắp chi phí. Do đó việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Việc hạch toán phù hợp giữa doanh thu và chi phí nhằm xác định và đánh giá đúng kết quả kinh doanh của từng kỳ kế toán, giúp cho các nhà quản trị DN có những quyết định kinh doanh đúng đắn và hiệu quả.

Nguyên tắc thận trọng: Theo nguyên tắc này, kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD cần phải:

Lập các khoản dự phòng đúng quy định, lập dự phòng không phản ánh cao hơn giá trị tài sản thực tế có thể thực hiện. Do thực tế các khoản tổn thất đã phát sinh (hoặc nhiều khả năng sẽ phát sinh) nên cần phải lập dự phòng (trích vào chi phí) để đảm bảo tính phù hợp giữa doanh thu và chi phí thực tế.

Đảm bảo tính đúng kỳ của chi phí, không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản chi phí. Doanh thu và thu nhập chỉ ghi nhận khi có các bằng chứng chắc chắn.Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí

Nguyên tắc trọng yếu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD phải thu thập, xử lý và cung cấp đầy đủ những thông tin về doanh thu, chi phí có tính chất trọng yếu, còn những thông tin không mang tính chất trọng yếu, ít có tác dụng hoặc có ảnh hưởng không đáng kể tới quyết định của người sử dụng thì có thể bỏ qua. Tính trọng yếu của thông tin được xem xét trên cả phương diện định lượng và định tính, nó phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót kế toán được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể.

Nguyên tắc doanh thu thực hiện: Doanh thu là số tiền thu được hoặc được ghi nhận khi quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ được cung cấp.

Doanh thu thực hiện nó phải thỏa mãn hai nguyên tắc cơ bản để ghi nhận doanh thu là:

Đã giao hàng (đã cung ứng dịch vụ) cho người mua

Và người mua chấp nhận thanh toán.

Hơn nữa, doanh thu nhận trước chỉ được ghi nhận là doanh thu thực hiện khi đã thực thu được tiền

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán tài chính

1.2.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.2.1.1. Tài khoản sử dụng

Ban hành theo Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của BTC thì các tài khoản thuộc loại doanh thu và thu nhập khác bao gồm:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác.

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ": Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và các khoản giảm trừ doanh thu trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và nghiệp vụ cung cấp dịch vụ. Tổng số doanh thu bán hàng ghi nhận ở đây có thể là tổng giá thành toán (với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng như đối với các đối tượng không chịu thuế

GTGT) hoặc giá bán không có thuế GTGT (với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

Tài khoản 511 gồm các tài khoản chi tiết:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính": Tài khoản này phản ánh toàn bộ các khoản doanh thu và các khoản ghi giảm doanh thu thuộc hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

TK 521 "Các khoản giảm trừ doanh thu": Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại

- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

TK 711 "Thu nhập khác": Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.1.2. Phương pháp kế toán nghiệp vụ liên quan đến doanh thu và thu nhập khác

Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ***(phụ lục1.1).***

Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính ***(phụ lục 1.2).***

Hạch toán thu nhập khác ***(Phụ lục số 1.3).***

1.2.2. Kế toán chi phí

Khái niệm chi phí (theo VAS 01): Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Trong đó:

Hao phí về lao động sống được gọi là những tiêu hao về cơ bắp, tinh thần và trí tuệ mà người lao động phải bỏ ra đề tạo ra sản phẩm dịch vụ. Nó được biểu hiện thông qua các khoản tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, KPCĐ…

Hao phí về lao động vật hoá là những hao phí về vật chất như tiêu hao nhiên liệu, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị… trong quá trình tạo ra sản phẩm dịch vụ.

1.2.2.1. Tài khoản sử dụng

TK 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang":

Tài khoản 154 phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm dịch vụ.

Tài khoản 154 được mở chi tiết theo từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm dịch vụ…

TK 632 "Giá vốn hàng bán":

Tài khoản này dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hoá, sản phẩm dịch vụ xuất bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản cũng sử dụng để phản ánh giá vốn của bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ cùng các chi phí phát sinh trong kỳ (chi phí khấu hao, sửa chữa, nhượng bán, chi phí thanh lý…).

TK 641 "Chi phí bán hàng":

Tài khoản này dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết theo các khoản như: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp":

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan chung đến toàn doanh nghiệp như chi phí quản trị kinh doanh, chi phí quản lý hành chính…

Tài khoản 642 được chi tiết theo các khoản như: chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng văn phòng, chi phí nhân viên văn phòng, cán bộ quản lý….

TK 635 "Chi phí tài chính":

Tài khoản này phản ánh chi phí và các khoản lỗ liên quan chuyển nhượng đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay, chi phí cho vay, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán, lỗ về mua bán ngoại tệ…

Ngoài ra trong hạch toán chi phí doanh nghiệp còn sử dụng một số tài khoản khác như TK 133 "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ", TK 331…

TK 811 "Chi phí khác":

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp":

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và

chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" gồm 02 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

1.2.2.2. Phương pháp kế toán nghiệp vụ liên quan đến chi phí

Trình tự hạch toán của mỗi loại chi phí được thể hiện cụ thể như sau:

Hạch toán chi phí giá vốn hàng bán ***(Phụ lục 1.4)***

Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ***(Phụ lục 1.5, Phụ lục 1.6).***

Hạch toán chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ***(Phụ lục 1.7, Phụ lục 1.8, phụ lục 1.9).***

1.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.3.1. Tài khoản sử dụng

Sau một kỳ hạch toán, kế toán tiến hành xác định kết quả của hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 911 được mở để xác định toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Tài khoản này không quy định các tài khoản cấp II, song tuỳ từng doanh nghiệp có thể mở chi tiết cho TK 911 theo đối tượng chi tiết cần thu nhận thông tin. Chi tiết của TK 911 được mở chi tiết tương ứng với chi tiết của các TK 632, TK 511.

1.2.3.2. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu

Cuối kỳ kinh doanh, kế toán dựa vào số liệu đã hạch toán trên các tài khoản có liên quan doanh thu, thu nhập, chi phí để xác định kết quả kinh doanh (***Phụ lục 1.10).***

1.3. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên góc độ kế toán quản trị

1.3.1. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1.1. Lập dự toán doanh thu

Kế toán căn cứ vào khối lượng hàng hoá và đơn giá bán hàng hoá dự kiến sẽ tiêu thụ để xác định dự toán doanh thu tiêu thụ hàng hoá. Trong đó, đơn giá bán của hàng hoá phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan như chất lượng hàng hoá, thị hiếu tiêu dùng, sức mua và khả năng cung cấp hàng hoá cùng loại trên thị trường, dự toán này có thể được thực hiện cho cả niên độ kế toán và chia ra theo các quý trong niên độ kế toán đó, còn khối lượng tiêu thụ dự kiến hàng quý không giống nhau, thường phụ thuộc vào tính thời vụ của sản xuất và tiêu dùng ở những thời kỳ khác nhau trong năm.

Dự toán doanh thu là khởi đầu của quá trình lập dự toán, dự toán doanh thu được xây dựng căn cứ trên chỉ tiêu số lượng tiêu thụ với giá bán kỳ vọng, để lập được dự toán doanh thu, kế toán phải căn cứ tình hình tiêu thụ các kỳ kế toán trước, chiến lược sản xuất kinh doanh, chiến lược marketing, phương án sản xuất kinh doanh tối ưu, thu nhập của người lao động, các chính sách, chế độ của Nhà nước, những biến động về kinh tế xã hội trong và ngoài nước... Từ đó, KTQT sẽ xác định được khối lượng hàng hoá tiêu thụ ở thị trường truyền thống và thị trường tiềm năng, xác định được khối lượng hàng hoá thực hiện ở các pha trong vòng đời sản phẩm. Những hàng hoá nào đang ở giai đoạn phát triển thì có kế hoạch tăng khối lượng hàng hoá đó nhằm thu lợi nhuận cao, những hàng hoá nào ở giai đoạn bão hoà, suy thoái thì giảm khối lượng để tránh thua lỗ trong kinh doanh.

Dự toán doanh thu sẽ được lập chi tiết cho từng loại hàng hoá theo từng đơn vị trực thuộc. Trên cơ sở dự toán doanh thu, kế toán sẽ lập các dự toán

chi phí trực tiếp cho các hàng hoá đó cũng như các chi phí quản lý chung và từ đó sẽ dự toán kết quả kinh doanh.

Trên cơ sở phân tích các thông tin thu được thực hiện dự toán khối lượng tiêu thụ và giá bán của sản phẩm hàng hóa.

Dự toán doanh thu	=	Dự toán sản phẩm tiêu thụ	x	Đơn giá bán theo dự toán

1.3.1.2. Lập dự toán chi phí

Trong một doanh nghiệp, để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi "chi phí là bao nhiêu" có ý nghĩa rất quan trọng đối với nhà quản trị ở tất cả các loại hình tổ chức vì chi phí có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận nhưng lại có ảnh hưởng theo chiều ngược lại: Chi phí tăng, lợi nhuận giảm. Do vậy dù ở cấp bậc quản trị nào trong tổ chức, nhà quản trị đều phải hiểu được bản chất của chi phí phát sinh trong phạm vi quản lý của mình, đặc biệt phải lập được các dự toán về các loại chi phí như dự toán chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp..., để từ đó có thể kiểm soát hoặc sử dụng chúng như một công cụ nhằm gia tăng kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Dự toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN: Nội dung các chi phí này gồm nhiều khoản khác nhau, được phân chia thành định phí và biến phí, khi lập dự toán các khoản chi phí này phải căn cứ vào dự toán tiêu thụ và dự toán các nhân tố khác ảnh hưởng đối với chi phí bán hàng và chi phí QLDN như: Phương thức bán hàng hoá, phương thức quản lý, địa điểm kinh doanh, nơi tiêu thụ..., để thu thập thông tin cho việc lập dự toán. Trong lập dự toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN, đối với biến phí bán hàng, có thể dự toán căn cứ vào số lượng sản phẩm tiêu thụ và đơn giá biến phí của một đơn vị sản phẩm tiêu thụ hoặc căn cứ vào doanh thu tiêu thụ và tỷ suất biến phí tiêu thụ:

Dự toán chi phí bán hàng:

Dự toán chi phí	=	Dự toán biến	+	Dự toán định

bán hàng		phí bán hàng		phí bán hàng
Dự toán tổng biến phí bán hàng	=	Dự toán số lượng sản phẩm tiêu thụ	x	Dự toán biến phí bán hàng đơn vị

Đối với định phí bán hàng, lập dự toán sẽ căn cứ vào tổng định phí bán hàng thực tế của kỳ trước như sau:

Dự toán tổng định phí bán hàng	=	Tổng định phí bán hàng thực tế kỳ trước	x	Tỷ lệ (%) tăng (giảm) theo dự kiến

Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Dự toán chi phí QLDN	=	Dự toán biến phí QLDN	+	Dự toán định phí QLDN
Dự toán tổng biến phí QLDN	=	Dự toán số lượng sản phẩm tiêu thụ	x	Dự toán biến phí đơn vị QLDN
Dự toán tổng biến phí QLDN	=	Dự toán biến phí trực tiếp	x	Tỷ lệ % biến phí QLDN
Dự toán tổng định phí QLDN	=	Tổng định phí QLDN thực tế kỳ trước	x	Tỷ lệ (%) tăng (giảm) định phí QLDN theo dự kiến

Dự toán chi phí giá vốn hàng bán: Đây là bước đệm để lập dự toán KQKD.

Giá vốn hàng bán dự toán	=	Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ	+	Tổng giá trị hàng bán nhập	-	Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ

kho dự toán dự toán

1.3.1.3. Lập dự toán kết quả kinh doanh

KTQT phải dự toán được kết quả kinh doanh căn cứ vào các dự toán tiêu thụ và dự toán chi phí (gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp). Dự toán báo cáo kết quả kinh doanh tốt sẽ cung cấp số liệu phục vụ cho việc so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, trên cơ sở so sánh giữa thực tế với dự toán, từ đó doanh nghiệp phát hiện ra những tồn tại, những khả năng tiềm tàng chưa được khai thác trong quá trình kinh doanh để có những biện pháp tích cực phát huy những mặt mạnh và tìm những nguyên nhân khắc phục những tồn tại.

Để dự toán được kết quả bán hàng kế toán phải có các chỉ tiêu dự toán trong báo cáo và các thông tin về những chỉ tiêu này phải được thu thập căn cứ vào những chỉ tiêu sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ căn cứ vào dự toán tiêu thụ.

Các khoản giảm trừ căn cứ vào dự toán các khoản thuế gián thu, không dự tính các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu thuần được xác định bằng cách lấy doanh thu bán hàng trừ đi các khoản giảm trừ.

Trị giá vốn hàng bán, căn cứ vào số lượng của số hàng hoá đã bán.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định bằng cách lấy doanh thu thuần trừ đi trị giá vốn hàng bán.

Chi phí bán hàng, căn cứ vào số liệu của dự toán chi phí bán hàng.

Chi phí QLDN, căn cứ vào số liệu của dự toán chi phí quản lý DN.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, được xác định bằng cách lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí bán hàng, chi phí QLDN.

1.3.2. Thu thập thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh

Để thực hiện tốt các công việc dự toán về chi phí, doanh thu và kết quả bán hàng phục vụ ra các quyết định của nhà quản trị, kế toán quản trị cần phải thu thập tốt các thông tin quá khứ và thông tin tương lai về chi phí, doanh thu và kết quả.

1.3.2.1. Thu thập thông tin từ hệ thống chứng từ và hạch toán ban đầu

Hạch toán ban đầu là công việc khởi đầu của quy trình hạch toán kế toán nên nó quyết định chất lượng của thông tin kế toán. Cũng giống như KTTC, KTQT dựa trên hệ thống hạch toán ban đầu để thu nhận thông tin:

Thu thập thông tin chi phí từ hệ thống chứng từ và hạch toán ban đầu: Kế toán căn cứ vào các chứng từ thanh toán chi phí như đề xuất, hóa đơn đầu vào, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hợp đồng kinh tế,...

Thu thập thông tin doanh thu: Kế toán căn cứ vào hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng trong kỳ... để thu thập số liệu làm báo cáo.

Ngoài các chứng từ bắt buộc phục vụ KTTC, để phục vụ cho mục đích KTQT, doanh nghiệp có thể thiết kế các chứng từ chi tiết phù hợp, phản ánh đầy đủ các yếu tố, nội dung để phục vụ cho việc thu nhận, xử lý, hệ thống thông tin và lập được báo cáo KTQT theo yêu cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp. Bên cạnh đó, phải tổ chức kiểm tra, luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý để đảm bảo thông tin kế toán có chất lượng.

1.3.2.2. Thu thập thông tin từ hệ thống tài khoản kế toán

TK kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp tài khoản kế toán, sử dụng để hệ thống hóa và cung cấp thông tin kế toán cho việc lập các báo cáo kế toán.

Trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, Nhà nước chỉ quy định tài khoản kế toán cấp 1 và một số tài khoản cấp 2, 3 cần thiết đủ để phản ánh tài sản và sự vận động tài sản của các đơn vị thuộc từng lĩnh vực để có thể lập được BCTC định kỳ ở các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải căn cứ

vào phạm vi, quy mô, nội dung hoạt động, mức độ phân cấp quản lý kinh tế, tài chính nội bộ doanh nghiệp mình để xác định các tài khoản cấp 1, 2 cần sử dụng trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất. Và để phục vụ KTQT, các doanh nghiệp có thể mở các tài khoản chi tiết cấp 2, 3,... và chi tiết các tài khoản theo từng địa điểm phát sinh chi phí, từng loại hàng hóa, dịch vụ...

Cụ thể, đối với chi phí, KTQT có thể thu thập thông tin từ tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán, tài khoản 641 - Chi phí bán hàng và tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp. Mức độ chi tiết của các chi phí này được thể hiện trên các tài khoản chi tiết cấp 2, 3,... đã được kế toán đã thiết lập hạch toán.

Với doanh thu, KTQT sẽ căn cứ vào số liệu của tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và số liệu chi tiết từ các tài khoản chi tiết cấp 2, 3,...

Kết quả kinh doanh được lấy số liệu từ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh và chi tiết theo các cấp của tài khoản này.

1.3.2.3. Thu thập thông tin từ hệ thống sổ kế toán và tổ chức ghi chép trên sổ kế toán

Hệ thống sổ kế toán được sử dụng để thu nhận và hệ thống hóa toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, nhằm lập được các báo cáo kế toán để cung cấp thông tin phục vụ cho quản lý kinh tế, tài chính.

Để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp, kế toán có thể vào sổ chi tiết, sổ cái, sổ nhật ký chung của các tài khoản liên quan. Do đó khi xây dựng sổ kế toán cần chú ý số lượng sổ, mẫu sổ, loại sổ và các chỉ tiêu cần phản ánh trong sổ KTQT phù hợp với yêu cầu quản lý và trình độ trang bị công nghệ xử lý thông tin, trình độ năng lực của nhân viên kế toán trong doanh nghiệp. Nhà quản trị doanh nghiệp cần loại thông tin gì, chi tiết đến mức nào... phải được thể hiện khi thiết kế mẫu sổ,

cũng phải phù hợp với mức độ chi tiết của tài khoản và nội dung phản ánh trên các chứng từ kế toán và phục vụ cho việc lập các báo cáo KTQT cần thiết.

Việc ghi sổ kế toán chi tiết có thể đồng thời với ghi sổ kế toán tổng hợp hoặc tách rời độc lập. Nhưng theo mô hình kết hợp KTTC và KTQT thì nên ghi chép đồng thời theo một thông tin đầu vào để đảm bảo tính thích ứng và hiệu quả của công tác kế toán, tránh nhầm lẫn, sai sót.

1.3.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ việc ra quyết định

Ra quyết định là một chức năng cơ bản của người quản lý, đồng thời cũng là nhiệm vụ phức tạp và khó khăn nhất của họ. Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, người quản lý luôn phải đối diện với việc phải đưa ra các quyết định ở nhiều dạng khác nhau. Tính phức tạp càng tăng thêm khi mà mỗi một tình huống phát sinh đều tồn tại không chỉ một hoặc hai mà nhiều phương án liên quan khác nhau đòi hỏi người quản lý phải giải quyết.

Để phục vụ cho việc ra quyết định, người quản lý cần thiết phải tập hợp và phân tích nhiều dạng thông tin khác nhau, trong đó thông tin cung cấp bởi kế toán quản trị, đặc biệt là thông tin về chi phí đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Vấn đề đặt ra ở đây là các thông tin này phải được xử lý bằng các phương pháp phù hợp như thế nào để phục vụ có hiệu quả nhất cho việc ra các quyết định của người quản lý.

Thông tin được xem là thích hợp cho việc ra quyết định là những thông tin sẽ chịu ảnh hưởng bởi quyết định đưa ra. Nói rõ hơn, đó là các khoản thu nhập hay chi phí mà sẽ có sự thay đổi về mặt lượng (hạn chế một phần hoặc toàn bộ) như là kết quả của quyết định lựa chọn giữa các phương án trong một tình huống cần ra quyết định, do đó nó còn được gọi là thu nhập hay chi phí chênh lệch. Rõ ràng là những khoản thu nhập hay chi phí độc lập với các quyết định, không chịu ảnh hưởng bởi các quyết định thì sẽ không có ích gì

trong việc lựa chọn phương án hành động tối ưu. Thông tin về các khoản thu nhập và chi phí này phải được xem là thông tin không thích hợp cho việc ra các quyết định. Có 2 loại chi phí luôn là chi phí không phù hợp cho việc ra quyết định là chi phí chìm và chi phí tương lai mà không có sự thay đổi khi lựa chọn các phương án khác nhau.

Mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị là khả năng sinh lời của doanh nghiệp mà mình kiểm soát. Để tối đa hóa lợi nhuận, khi ra quyết định nhà quản trị phải xem xét mối quan hệ giữa lợi nhuận với chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi. Nắm vững mối quan hệ này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc khai thác các khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp, là cơ sở cho việc ra quyết định lựa chọn hay quyết định điều chỉnh về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Giá bán, chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Chi phí, doanh thu là các chỉ tiêu có ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định kết quả. Rõ ràng với mọi sự thay đổi của chi phí, doanh thu đều có ảnh hưởng đến kết quả của doanh nghiệp. Phân biệt giữa chi phí phù hợp, chi phí không phù hợp và lợi ích là vấn đề thiết yếu để đưa ra quyết định vì bỏ qua những dữ liệu không phù hợp sẽ tiết kiệm đáng kể thời gian, công sức của nhà quản trị, giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn.

Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận:

Phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận (CVP) là một công cụ rất hữu ích giúp nhà quản trị hiểu được mối quan hệ chi phí, khối lượng và lợi nhuận. Phân tích CVP tập trung vào giải thích lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi năm yếu tố sau như thế nào: giá bán, doanh số bán hàng, biến phí trên một đơn vị, tổng định phí, cơ cấu các sản phẩm được bán.

Mô hình chi phí - khối lượng - lợi nhuận có thể viết lại như sau:

Lợi nhuận = (P - V) x Q - F

Hoặc:

Lợi nhuận = CM x Q - F

Trong đó:

P: là đơn giá

V: là biến phí trên một đơn vị sản phẩm

CM: là lãi góp của một đơn vị

F: là định phí

Q: là khối lượng sản phẩm

Trình bày theo tỷ lệ lãi góp, thì phương trình cơ bản sẽ như sau:

Lợi nhuận = Tỷ lệ lãi góp x Doanh số - F

Lãi góp là phần còn lại từ doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi biến phí. Chính vì vậy nó là khoản để bù đắp định phí và tạo lợi nhuận trong kỳ. Khi lãi góp đủ bù đắp định phí thì công ty sẽ sẽ không có lợi nhuận và cũng không bị lỗ, tức là công ty sẽ hòa vốn.

Phân tích điểm hòa vốn

Phân tích điểm hòa vốn là phương pháp phân tích để xác định mức sản lượng hòa vốn, tức mức sản lượng đem lại tổng doanh thu vừa đủ để bù đắp tổng chi phí. Chi phí sản xuất của một hàng hóa có thể tách ra thành những bộ phận cấu thành như định phí, biến phí. Theo quan điểm kế toán, sản lượng hòa vốn là mức sản lượng bán ra đảm bảo bù đắp cả định phí và biến phí tại một mức giá nào đó. Điểm hòa vốn có thể được tính toán bằng phương trình hoặc bằng phương pháp tính lãi góp.

Phương pháp phương trình:

Lợi nhuận = (Doanh thu - Biến phí) - Định phí

Tại điểm hòa vốn, lợi nhuận bằng không. Chính vì vậy, điểm hòa vốn có thể được tính toán bằng cách tìm điểm mà ở đó doanh thu bằng với tổng biến phí cộng với các định phí.

Phương pháp lãi góp:

Phương pháp này là bản ngắn gọn của phương pháp phương trình. Cách tiếp cận tập trung vào ý tưởng mỗi một đơn vị được bán ra cung cấp một lãi góp nhất định mà bù đắp được định phí. Để hiểu được cần phải bán bao nhiêu đơn vị để có thể hoàn vốn, chia tổng định phí cho lãi góp đơn vị.

Sản lượng hòa vốn = Định phí : Lãi góp đơn vị

Doanh nghiệp muốn tồn tại, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, cần xác định doanh thu tối thiểu đủ bù đắp chi phí của quá trình hoạt động kinh doanh. Phân tích điểm hoà vốn cho phép xác định được sản lượng, mức doanh thu và thời gian sản xuất để bù đắp chi phí bỏ ra. Phân tích điểm hoà vốn cũng giúp nhà quản trị nhìn nhận quá trình kinh doanh trong mối quan hệ với các yếu tố tác động tới lợi nhuận, cho phép xác định rõ ràng vào thời điểm nào trong kỳ kinh doanh, hay ở mức sản xuất và tiêu thụ bao nhiêu sản phẩm thì doanh nghiệp không bị lỗ, doanh nghiệp muốn đạt được mức lợi nhuận mong muốn thì cần phải sản xuất và bán ra bao nhiêu sản phẩm… từ đó có các quyết định chủ động, tích cực phù hợp và đảm bảo thực hiện được mục tiêu đặt ra. Với các nhà quản lý và điều hành doanh nghiệp, phân tích hoà vốn giúp đưa ra các quyết định hợp lý để kinh doanh đạt hiệu quả, đảm bảo duy trì và nâng cao năng lực tài chính.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Tên công ty: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Mã số thuế: 0100107282

Địa chỉ: 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Đại diện pháp luật: ông Phùng Thái Sơn - Tổng Giám đốc

Vốn điều lệ: 19.933.930.000 đồng

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là một tổ chức kinh tế độc lập trong lĩnh vực kinh doanh du lịch Quốc tế thành lập theo quyết định số: 118/DL- TC ngày 16/01/1993 của Tổng cục Du lịch.

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là một Công ty Lữ hành, là tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, trực thuộc Tổng cục du lịch, có tư cách pháp nhân thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu riêng theo thể chế của Nhà nước Việt Nam, được mở tài khoản tại ngân hàng kể cả tài khoản ngoại tệ.

Qua nhiều năm kinh doanh Lữ hành, đến nay Công ty đã khẳng định phương châm hành động đúng đắn để Công ty tồn tại và phát triển là giữ vững uy tín bằng chất lượng dịch vụ và giá cả hợp lý, vì vậy trong năm vừa qua Công ty đã cố gắng tập trung mọi nỗ lực để thực hiện tốt phương châm này. Thực tế cho thấy, ở hầu hết các địa phương chúng ta luôn luôn dành được những khách sạn tốt, xe tốt và hướng dẫn tốt.

Trong kinh doanh Du lịch, thị trường luôn được xác định là khâu đầu tiên và khâu quan trọng chi phối các hoạt động tiếp theo của kinh doanh Du lịch, vì lẽ đó việc chiếm lĩnh thị phần đã trở thành sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp dưới nhiều hình thức. Công ty đã có sự đầu tư hợp lý cho công tác tuyên truyền quảng bá để thu hút khách. Các hội chợ quốc tế lớn đều gửi các bộ tham gia để tăng cường sự hợp tác chặt chẽ với các bạn hàng quen thuộc đồng thời nghiên cứu, thiết lập các quan hệ với các bạn hàng mới.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty

Hoạt động kinh doanh lữ hành của Công ty trong những năm qua luôn nổi bật là dịch vụ kinh doanh mũi nhọn, doanh thu đạt được luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu toàn Công ty.

Ngoài các hoạt động trên Công ty còn kinh doanh những ngành nghề như: Vận chuyển khách du lịch, đại lý vé máy bay, các dịch vụ cho thuê văn phòng, phòng họp, nhà ở..... Đến năm 2018, ngoài hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, công ty bắt đầu mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực buôn bán đồ nội thất.

Hàng năm, để mở rộng thị trường quốc tế, ngoài việc duy trì mối quan hệ ở khách ở các hãng truyền thống như: ASIA, MAISON, AKIOU, ARIANE, Công ty còn tranh thủ quan hệ với một số bạn hàng mới. Thông qua việc tham gia các hội chợ du lịch như: ITB tại Berlin, EXPO tại Hongkong, EXPO tại Canada, ASIAN Travel Mart tại Singapore, PATA tại Thailand, các hội chợ tại Paris và Deauville (Pháp), khảo sát thị trường Nhật Bản... đã góp phần giải toả một số vướng mắc trong mối quan hệ làm ăn do tình trạng cạnh tranh trong nước thời gian qua.

Với sự phát triển không ngừng của công ty trong những năm vừa qua công ty đã nắm bắt được tình hình khó khăn, thuận lợi điều đó tạo điều kiện

cho công ty phát triển và cải cách sản phẩm của mình để phục vụ khách với nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng và hớp dẫn.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh các đối tượng khách du lịch quốc tế và khách du lịch trong nước, tăng thu ngoại tệ, góp phần thúc đẩy phát triển của ngành du lịch. Trên cơ sở góp phần xây dựng Đất nước.

Cùng tiến trình phát huy nguồn lực quản lý kinh tế Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư đã không ngừng đổi mới và cải tiến bộ máy quản lý, phong cách làm việc. Nhờ đó mà bộ máy quản lý của Công ty đã được tinh lọc, phù hợp, làm việc có hiệu quả cao, đảm bảo được yêu cầu khách hàng.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo hình thức trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban của Công ty có liên hệ chặt chẽ với nhau và cùng chịu sự quản lý của ban giám đốc gồm Giám đốc và 2 Phó giám đốc.

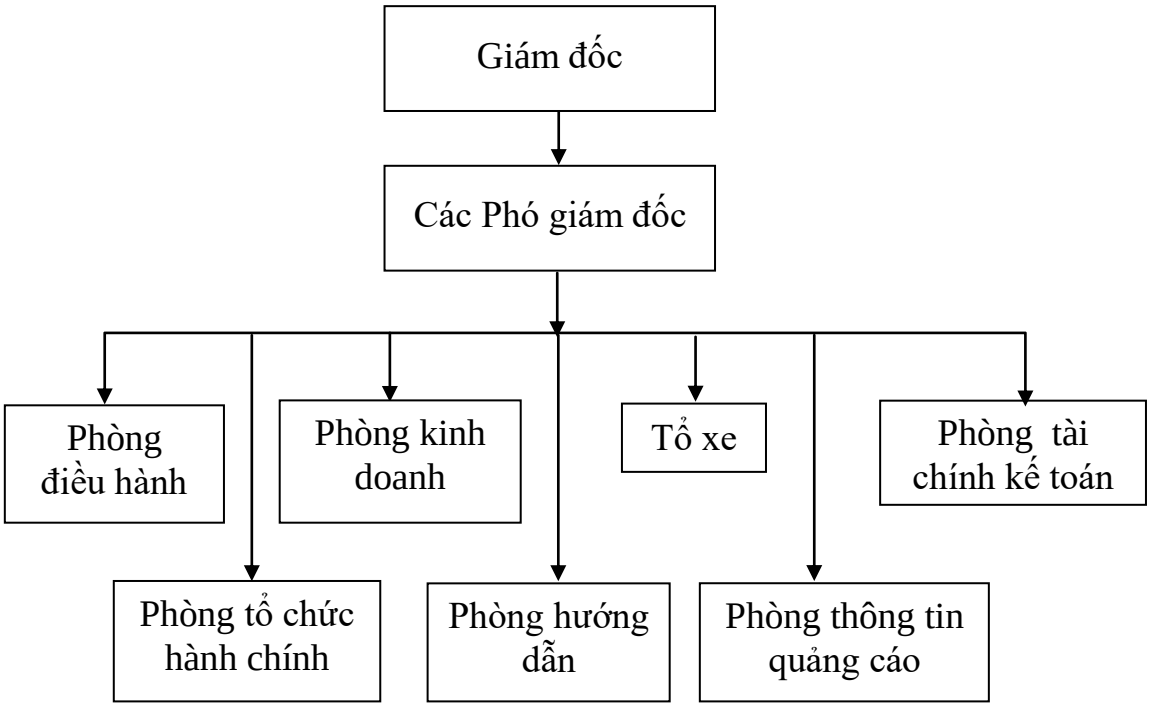

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty

Giám đốc: là người đứng đầu Công ty, là người lãnh đạo Công ty về mọi mặt công tác, bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của Công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch và trước pháp luật hiện hành về mọi hoạt động của Công ty.

Các Phó giám đốc: là người giúp việc cho giám đốc được Giám đốc phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác của đơn vị. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật Nhà nước về hiệu quả do Giám đốc uỷ nhiệm.

Phòng điều hành: Có trách nhiệm chuẩn bị tất cả điều kiện để cho khách sang như: xác định trước các dịch vụ cho các Tour du lịch của khách hàng trước khi khách sang, viết chương trình Tour cho khách và cuối cùng giao chương trình cho phòng hướng dẫn. Quản lý các danh sách các cộng tác viên và đối tác của công ty, liên hệ với các công tác viên, bổ sung đội ngũ cộng tác viên theo yêu cầu của công việc. Phòng điều hành gồm 05 người (trưởng phòng, phó trưởng phòng và 03 nhân viên trong đó có 04 nam, 05 đại học).

Phòng tài chính kế toán: Giúp lãnh đạo Công ty trong công tác hạch toán chí phí sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo tình hình tài chính với các cơ quan chức năng của Nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty, xác định nhu cầu về vốn của Công ty, tình hình hiện có và sự biến động của tài sản hiện có của Công ty.

Phòng kinh doanh: Có 04 người (04 nam, 04 đại học). Có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, nắm bắt để khai thác thị trường du lịch quốc tế và trong nước, tìm kiếm khách hàng, ký kết các giao dịch trên các chương trình du lịch theo yêu cầu của khách: nghiệp vụ bán hàng, tổ chức đại lý bán vé máy bay, tham gia tổ chức du lịch hội chợ thương mại du lịch trong nước và quốc tế…

Phòng hướng dẫn: Có 06 nhân viên, 06 nữ, 06 đại học. Có nhiệm vụ như sau: Thực hiện các hoạt động Tour theo chương trình do phòng điều hành thiết kế và phòng kinh doanh ký kết. Phối hợp với Phòng kinh doanh và phòng Điều hành để thu thập ý kiến khách hàng, từ đó có biện pháp thích hợp nhằm hoàn thiện chất lượng các dịch vụ của công ty.

Tổ xe: Có 08 người (08 nam). Làm công tác vận chuyển khách du lịch đi đúng nơi đúng chỗ theo chương trình Tour.

Phòng tổ chức hành chính: Có trách nhiệm xây dựng nội quy, quy chế về sắp xếp tổ chức bộ máy, quản lý con dấu và tài liệu của công ty.

Phòng thông tin quảng cáo: gồm có 2 chức năng:

Thông tin: Thu thập thông tin cả trong và ngoài nước, theo dõi thị trường du lịch trong và ngoài nước về tình hình, tiềm năng, và nhu cầu của các Hãng muốn du lịch ở Việt Nam và người Việt Nam muốn đi du lịch nước ngoài. Xử lý thông tin và ra quyết đinh quản lý giá cả cho phù hợp với thực tế.

Quảng cáo: Thực hiện các hoạt động nhằm quảng bá du lịch và dịch vụ của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là một Công ty Lữ hành. Kế toán là công cụ quan trọng để quản lý kế toán tài chính của Công ty. Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán. Toàn bộ công tác kế toán, công tác tài chính và công tác thống kê được tập trung ở phòng kế toán tài vụ của Công ty.

Trong công ty, Phòng kế toán tài chính là một phòng rất quan trọng với chức năng quản lý về tài chính, phòng tài chính kế toán đã góp phần không

nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch hàng năm của Công ty, có thể nói phòng tài chính kế toán là nơi ghi chép thu thập tổng hợp các thông tin về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời để hỗ trợ động lực cho ban lãnh đạo của Công ty trong việc đưa ra các quyết định quản lý .

Phòng kế toán của Công ty gồm 07 thành viên, trong đó có 1 nam, 07 đại học, mỗi người đều có chức năng riêng.

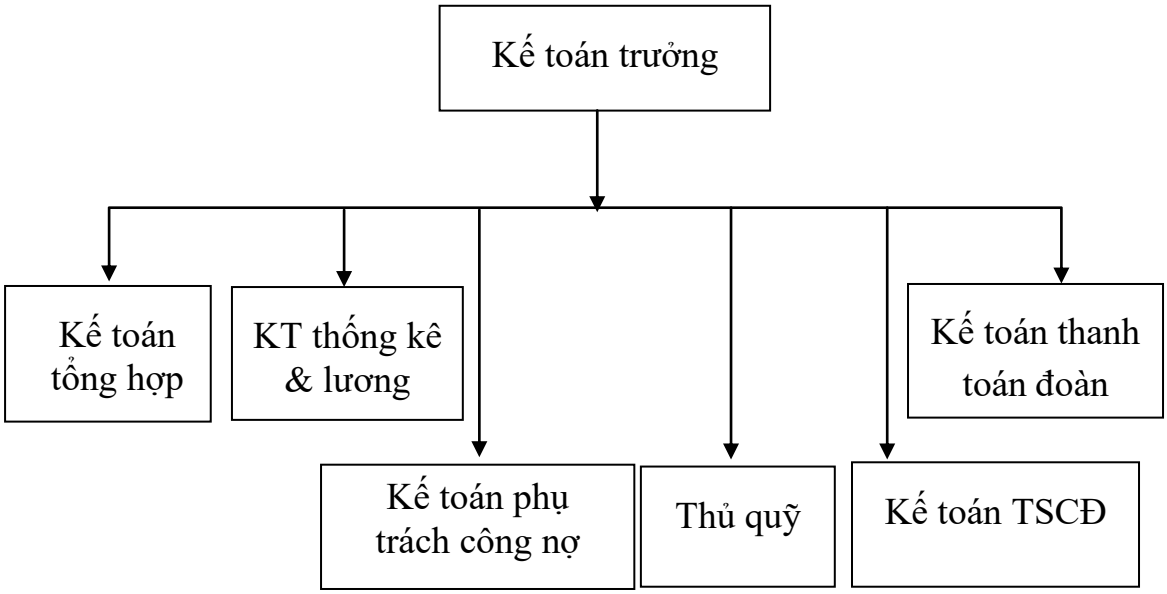

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Kế toán trưởng: là người giúp giám đốc công ty tổ chức thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê, tài chính ở công ty đồng thời thực hiện việc kiểm tra kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính ở doanh nghiệp. Kế toán trường chịu sự chỉ đạo trực tiệp của giám đốc.

Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty, đảm bảo bộ máy gọn nhẹ, phù hợp với tổ chức kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Kế toán trưởng thường kiểm tra việc thực hiện chế độ ghi chép, tính toán ban đầu, chấp hành chế độ báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán theo quy định, tổ chức bảo quản hồ sơ, tài liệu kế toán

theo chế độ lưu trữ. Kế toán trưởng là người lập các báo cáo tài chính hàng năm.

Kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ giúp kế toán trưởng trong việc thực hiện công tác kế toán như: việc thực hiện tổng hợp các kết quả của từng bộ phận để vào sổ tổng hợp và lên các báo cáo cuối kỳ hoặc cuối niên độ kế toán.

Kế toán phụ trách công nợ: có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc toàn bộ công nợ mà các đơn vị đang nợ công ty.

Kế toán thanh toán đoàn: Theo dõi các khoản thuê (xe, hướng dẫn viên), khoản chi trong một chương trình Tour mang về thanh toán, xem xét chương trình, chứng từ, hoá đơn có hợp lý hay không sau đó tập hợp lại cho phòng kế toán thanh toán hoàn tạm ứng.

Thủ quỹ: Theo dõi quỹ, tránh xảy ra việc mất mát, đồng thời phản ánh kịp thời dòng tiền ra vào trong từng ngày và từng tháng theo quy định thông qua việc ghi chép sổ quỹ. Cuối kỳ hoặc cuối niên độ, thủ quỹ phải báo cáo với kế toán trưởng và kế toán tổng hợp về tình hình tồn quỹ để kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu với các phần hành liên quan, qua đó kế toán trưởng cũng biết được lượng tiền mặt hiện còn để có quyết định phù hợp.

Kế toán TSCĐ: Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao và lập bảng tổng hợp khấu hao. Ngoài ra còn phụ trách tập hợp toàn bộ phiếu bán vé máy bay.

Kế toán thống kê & lương: có nhiệm vụ lập các bảng biểu phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp và còn chịu trách nhiệm về vấn đề đổi tiền (trước khi thu tiền phải đổi thành Việt nam đồng) & thanh toán lương.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hình thức sổ kế toán của Công ty

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh, căn cứ vào trình độ và yêu cầu quản lý, Công ty đã lựa chọn “Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ ”.

Trình tự ghi sổ như sau:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán, kế toán lập chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Căn cứ chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Cuối tháng phải khoá sổ, tính tổng số tiền của các nghiệp vụ kế toán tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tính tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (lập từ sổ kế toán chi tiết) bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Đối với các khoản có mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết, cuối tháng tiến hành cộng thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết, căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với sổ cái thông qua bảng cân đối số phát sinh. Số dư trên bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh phải khớp nhau.

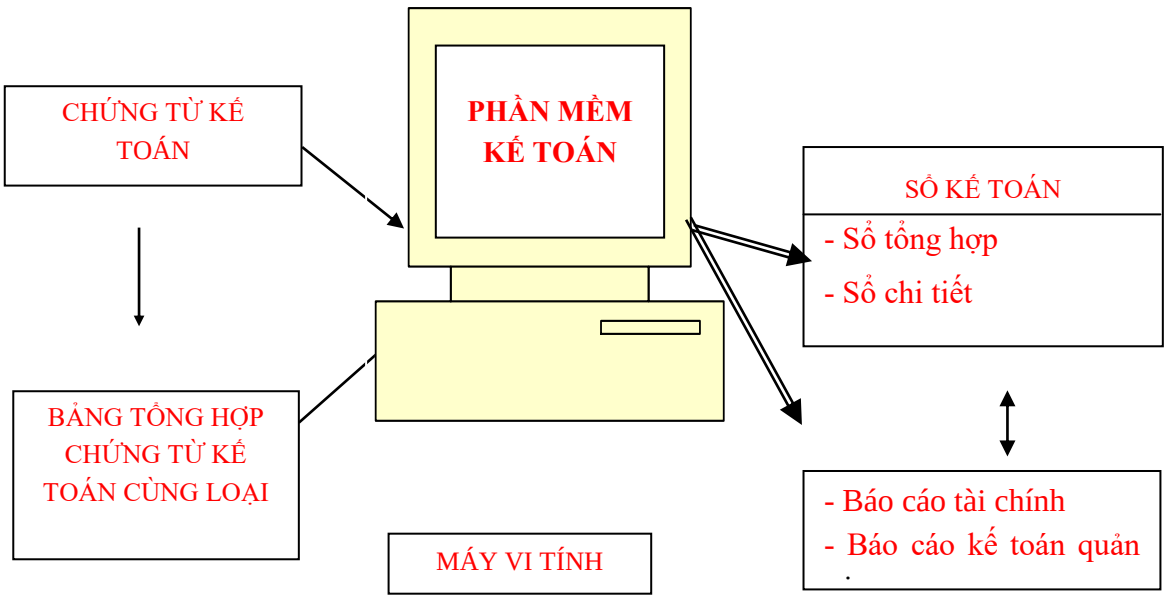

Ghi chú:

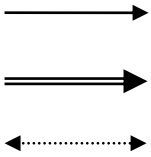

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ ghi sổ theo hình thức chứng từ ghi sổ trên máy vi tính

Tại văn phòng Công ty, phòng kế toán vừa hạch toán trong hoạt động kinh doanh tiến hành tổng hợp chứng từ, các báo biểu để ghi sổ, lập báo cáo tài chính chung cho toàn Công ty.

2.1.4.3. Việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán MISA do công ty mua ngoài có tốc độ xử lý nhanh chóng, chính xác. Chức năng cơ bản của chương trình kế toán này là:

Cập nhật chứng từ ban đầu. Khai thác thông tin từ chứng từ ban đầu theo các điều kiện lọc tìm khác nhau. Tự động định khoản một số nghiệp vụ, tính toán và tự động kết chuyển số liệu.

Khi nhận được chứng từ kế toán, kế toán phụ trách từng bộ phận tiến hành định khoản và nhập vào máy tính, máy tính tự động tổng hợp và lên tài khoản chữ T, lập báo biểu kế toán.

Xoá, sửa chứng từ hợp lệ, lên các báo cáo ...

Nhờ việc sử dụng phần mềm nên công việc của các kế toán được giảm bớt và thuận lợi hơn.

2.1.4.4. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng tại công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

Hình thức kế toán áp dụng là Chứng từ ghi sổ.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao theo đường thẳng.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

2.2. Đặc điểm doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.2.1. Đặc điểm doanh thu, chi phí tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Hoạt động kinh doanh lữ hành của Công ty trong những năm qua luôn nổi bật là dịch vụ kinh doanh mũi nhọn, doanh thu đạt được luôn chiếm tỷ trọng cao trên tổng doanh thu toàn Công ty. Sản phẩm lữ hành là sự kết hợp của nhiều dịch vụ như: dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống... của các nhà sản xuất riêng lẻ thành một sản phẩm mới hoàn chỉnh. Sản phẩm lữ hành là các chương trình du lịch trọn gói (package tour) hay từng phần, khách hàng phải trả tiền trọn gói các dịch vụ trong chương trình du lịch trước khi đi du lịch. Sản phẩm lữ hành bao gồm các hoạt động điễn ra trong cả một quá trình từ khi đón khách theo yêu cầu, cho đến khi khách trở lại điểm xuất phát gồm những hoạt động đảm bảo nhu cầu của chuyến đi nhu cầu giải trí, tham quan, những hoạt động đảm bảo nhu cầu thiết yếu của khách chuyến đi như đi lại, ăn ở, an ninh... Không giống như ngành sản xuất vật chất khác, sản phẩm lữ hành không bảo quản, lưu kho, lưu bãi được và giá của sản phẩm lữ hành có tính linh động cao. Chương trình du lịch trọn gói được coi là sản phẩm đặc trưng trong kinh doanh lữ hành.

Ngoài hoạt động kinh doanh lữ hành, Công ty còn phát sinh doanh thu từ hoạt động vận chuyển khách du lịch (không thuộc Tour du lịch trọn gói), hoạt động làm đại lý vé máy bay, cho thuê văn phòng, kho bãi, địa điểm. Năm 2018, doanh nghiệp bắt đầu mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực buôn bán nội thất và phát sinh doanh thu từ buôn bán nội thất trong nước.

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty, việc hạch toán doanh thu của Công ty cũng được tập hợp riêng cho từng hoạt kinh doanh, bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh lữ hành, hoạt động vận chuyển, đại lý bán vé máy bay, cho thuê căn phòng, địa điểm, doanh thu từ hoạt động kinh doanh nội thất.

Doanh thu từ các hoạt động dịch vụ tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư hiện nay thường được khách hàng trả theo phương thức trọn gói, có thể trả trước hoặc trả sau mà tuỳ theo thoả thuận trong hợp đồng đã ký kết. Hình thức thanh toán cũng rất đa dạng có thể trả bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản. Đối với những khoản tiền lớn thường được khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tại công ty doanh thu tài chính chủ yếu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Thu nhập khác

Công ty có phát sinh thu nhập khác từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; tiền từ bán khăn giấy, bán nước thêm theo nhu cầu của khách ngoài hợp đồng…

2.2.1.2. Đặc điểm chi phí

Quá trình tổ chức các hoạt động kinh doanh của Công ty có các chi phí để nhằm đáp ứng các nhu cầu về du lịch để thực hiện được quá trình này,

Công ty phải bỏ ra các chi phí bao gồm chi phí lương, chi phí các phương tiện, chi phí đồ dùng phục vụ khách. Chính do đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của mình nên Công ty đã chọn đối tượng hạch toán chi phí và tính giá thành là khối lượng công tác phục vụ cho khách hàng đã hoàn thành điều đó có nghĩa là, các chi phí phát sinh trong kỳ có liên quan trực tiếp đến loại dịch vụ nào sẽ được tập hợp riêng cho loại dịch vụ đó, các chi phí chung còn lại khác được đưa vào chi phí bán hàng, quản lý của Công ty.

Để thuận tiện cho công tác quản lý và hạch toán chi phí, kế toán của Công ty đã tiến hành phân loại chi phí kinh doanh theo yếu tố chi phí. Theo cách phân loại này, các chi phí của Công ty bao gồm: Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí vận chuyển, chi phí về các dịch vụ mua ngoài phục vụ tour du lịch cho khách, chi phí bảo hiểm tour, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí mua nhiên liệu, điện, nước, điện thoại…, chi phí tiếp khách, chi phí đào tạo, chi phí quảng cáo…. Các khoản chi phí nói trên tạo thành chỉ tiêu giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm và dịch vụ du lịch. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ khác còn phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đây là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến việc tiêu thụ hay tổ chức, quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của công ty.

Do tính chất đa dạng về hoạt động kinh doanh và phương thức thực hiện dịch vụ gắn với từng hoạt động kinh doanh cụ thể nên việc xác định đối tượng tập hợp chi phí cũng khá phức tạp, đáp ứng yêu cầu tính giá thành, kiểm soát và quản lý chi phí một cách có hiệu quả. Công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh là theo từng đơn đặt hàng, từng hợp đồng ký kết với khách hàng. Tùy theo mối quan hệ giữa các chi phí sản xuất với các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định, kế toán áp dụng phương pháp trực tiếp hoặc phân bổ gián tiếp để tập hợp chi phí theo các hệ thống tập

hợp chi phí kế toán khác nhau. Phương pháp tập hợp trực tiếp hoặc Phương pháp phân bổ gián tiếp. Mục tiêu của việc phân bổ chi phí gián tiếp là để tính toán, quy nạp đầy đủ chi phí sản xuất cho các đối tượng chịu chi phí làm cơ sở cho việc kiểm soát chi phí, tính giá thành dịch vụ.

2.2.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tại Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là một đơn vị kinh doanh thương mại – dịch vụ. Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ không được coi là doanh thu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời bốn điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hoạt động lữ hành được ghi nhận khi hoàn thành, quyết toán tour và phát hành hoá đơn GTGT cho khách hàng.

Doanh thu của hoạt động vận chuyển khách du lịch được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ, quyết toán và xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Doanh thu của hoạt động bán vé máy bay là khi hoàn thành bán vé cho khách và xuất hóa đơn GTGT.

Doanh thu hoạt động cho thuê kho bãi được ghi nhận khi hoàn thành, quyết toán và xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động bán nội thất được ghi nhận khi hàng hóa đã được cung cấp và xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Doanh thu được theo dõi chi tiết theo từng hoạt động kinh doanh để phục vụ cho yêu cầu quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.2.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Kết quả hoạt động tài chính + Kết quả hoạt động khác

Trong đó:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết quả hoạt động tài chính:

K ết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí hoạt động tài chính

- Kết quả hoạt động khác:

Kết quả hoạt động khác = Các khoản thu nhập khác - Các khoản chi phí khác

2.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trên góc độ kế toán tài chính

2.3.1. Kế toán doanh thu

*** Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chứng từ kế toán

Hóa đơn GTGT, ngoài ra còn sử dụng một số chứng từ sau: quyết toán hợp đồng tour du lịch, biên bản thanh lý hợp đồng, phiêu thu, giấy báo của ngân hàng, các chứng từ liên quan khác...

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó: TK 5111: Doanh thu từ hoạt động lữ hành

TK 5112: Doanh thu từ hoạt động vận chuyển

TK 5113: Doanh thu đại lý bán vé máy bay

TK 5114: Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

TK 5115: Doanh thu bán nội thất

Phương pháp kế toán

Sau khi thực hiện xong 1 hợp đồng ký kết (đối với hoạt động lữ hành là khi tổ chức tour thành công, hoạt động vận chuyển là hoàn thành việc vận chuyển...), công ty làm thủ tục thanh lý quyết toán hợp đồng và xuất hoá đơn GTGT (là loại chứng từ chứng minh quan hệ mua bán giữa người mua và người bán, đồng thời xác nhận việc bán hàng cung cấp dịch vụ đã hoàn thành, làm căn cứ nộp thuế GTGT, là cơ sở ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ của đơn vị. Hoá đơn bán hàng lập thành 03 liên, liên 1 lưu lại sổ, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán).

Kế toán căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng ***(Phụ lục 2.1)*** lập chứng từ ghi sổ ***(Phụ lục 2.2)***. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi sổ cái tài khoản 511 ***(Phụ lục 2.3)***.

*** Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lực tiền nhàn rỗi của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty nhằm tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Nói cách khác, tiền vốn được huy động từ mọi nguồn lực của Công ty, ngoài việc sử dụng để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh chính theo chức năng đã đăng ký kinh doanh, Công ty còn có thể tận dụng đầu tư vào các lĩnh vực khác để nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn, làm sinh lợi vốn.

Thu nhập hoạt động tài chính trong Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư là thu nhập từ đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập tài chính khác.

Chứng từ kế toán

Giấy báo có của ngân hàng, giấy nộp tiền vào tài khoản, thông báo tỷ giá hối đoái, chứng từ về xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ,…...kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Phương pháp kế toán

Kế toán sẽ căn cứ vào chứng từ kế toán lập chứng từ ghi sổ ***(Phụ lục 2.2)***. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi sổ cái tài khoản 515 ***(Phụ lục 2.4)***.

*** Kế toán thu nhập khác:**

Chứng từ kế toán

Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng, biên bản thỏa thuận, phiếu thu, giấy báo có...

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 - Thu nhập khác.

Phương pháp kế toán

Kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng, biên bản thỏa thuận, phiếu thu, giấy báo có và các chứng từ có liên quan lập chứng từ ghi sổ ***(Phụ lục 2.2)***. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi sổ cái tài khoản 711 ***(Phụ lục 2.5)***.

2.3.2. Kế toán chi phí

*** Kế toán giá vốn hàng bán**

Chứng từ kế toán

Hoá đơn GTGT, biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu chi, giấy báo nợ, các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tài khoản 154 mở chi tiết cho từng hoạt động

TK 1541: Chi phí hoạt động lữ hành

TK 1542: Chi phí hoạt động vận chuyển

TK 1543: Chi phí đại lý bán vé máy bay

TK 1544: Chi phí hoạt động khác

Kế toán sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 mở chi tiết cho từng hoạt động

TK 6321: Giá vốn hoạt động lữ hành

TK 6322: Giá vốn hoạt động vận chuyển

TK 6323: Giá vốn đại lý bán vé máy bay

TK 6324: Giá vốn hoạt động khác

TK 6325: Giá vốn bán nội thất

Phương pháp kế toán

Chi phí trực tiếp tại Công ty bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện và hoàn thành các dịch vụ của Công ty. Các khoản chi phí này thường được định mức cho từng loại dịch vụ cụ thể.

Để tập hợp các chi phí trực tiếp phát sinh, kế toán Công ty sử dụng tài khoản: TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Tài khoản 154 được mở chi tiết cho từng lĩnh vực hoạt động và được chia thành các tiểu khoản có nội dung sau:

TK 1541 - Chi phí trực tiếp của hoạt động kinh doanh lữ hành. Tài khoản này được sử dụng để tập hợp toàn bộ các chi phí trực tiếp liên quan khâu đón khách ở sân bay, bến công..., tổ chức phục vụ theo yêu cầu của khách. Do việc bán các Tour cho khách được thực hiện theo phương thức trọn gói nên các chi phí này bao gồm: chi phí thuê đặt phòng khách sạn, mua vé thắng cảnh, thuê công tác viên, chi phí cho các hoạt động vui chơi, giải trí...

TK 1542 - Chi phí trực tiếp của hoạt động kinh doanh vận chuyển. Tài khoản này sẽ theo dõi và tập hợp toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động vận chuyển, bao gồm: Chi phí mua nhiên liệu xăng, dầu, sửa chữa, chi phí thuê xe ngoài...

TK 1543 - Chi phí trực tiếp của hoạt động đại lý vé máy bay. Tài khoản này sẽ theo dõi và tập hợp toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt đại lý vé máy bay.

TK 1544 - Chi phí trực tiếp hoạt động khác. Tài khoản này sẽ theo dõi và tập hợp toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động khác của công ty như cho thuê kho bãi, văn phòng...

Hạch toán chi phí trực tiếp của hoạt động kinh doanh lữ hành

Trước khi tổ chức đoàn đi, bộ phận hướng dẫn làm giấy xin tạm ứng để sử dụng cho một số các dịch vụ mua ngoài phục vụ du khách trong chuyến đi (cần thiết phải thanh toán ngay) hoặc lập phiếu đề nghị nhận hàng từ kho có chữ ký của trưởng bộ phận và giám đốc duyệt.

Kế toán căn cứ giấy đề nghị tạm ứng và phiếu đề nghị nhận hàng đã có chữ ký của trưởng bộ phận và giám đốc lập, kế toán lập phiếu chi, phiếu xuất

kho, ký nhận phê duyệt chuyển cho thủ quỹ và thủ kho. Trên cơ sở phiếu chi thủ quỹ xuất tiền tạm ứng và ghi số quỹ. Cuối tháng, phần mềm kế toán sẽ tự động tính ra được đơn giá của hàng hóa xuất kho dựa vào số lượng và đơn giá của hàng hóa nhập trong tháng. Kế toán lập bảng kê phiếu xuất kho.

Sau khi hoàn thành một Tour du lịch, phòng hướng dẫn tập hợp các chứng từ, hoá đơn, thanh lý hợp đồng với đơn vị cung cấp bản kê chi phí trong chuyến đi để nộp lại cho phòng kế toán.

Sau khi xem xét tính hợp lệ của các chứng từ chi kế toán căn cứ vào số liệu trên từng chứng từ để lập chứng từ ghi sổ và ghi sổ chi tiết TK 154.

Song song với việc hạch toán chi tiết các chi phí trực tiếp phát sinh, việc hạch toán tổng hợp cũng được tiến hành, đồng thời nhằm đảm bảo cho việc đối chiếu được thực hiện một cách thường xuyên. Hàng tháng, kế toán tập hợp các chứng từ gốc để vào chứng từ ghi sổ.

Khi tổng hợp xong chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết và lên báo cáo kế toán.

Hạch toán chi phí trực tiếp của hoạt động kinh doanh vận chuyển

Việc hạch toán chi phí của hoạt động này tại Công ty cũng được tiến hành tương tự như hoạt động kinh doanh lữ hành. Các chi phí phát sinh hàng tháng cho hoạt động này cũng được tập hợp TK 1542, đến cuối tháng các chi phí vận chuyển cũng được tập hợp lại theo tài khoản đối ứng.

Hạch toán chi phí trực tiếp của hoạt động đại lý bán vé máy bay

Với hoạt động kinh doanh đại lý bán vé máy bay của công ty, chi phí thực sự phát sinh kể từ khi công ty nhận vé từ hãng hàng không về. Chi phí được hạch toán vào tài khoản 1543.

Sau khi hoàn thành cung cấp dịch vụ, kế toán xuất hóa đơn GTGT ghi nhận doanh thu đồng thời ghi nhận giá vốn, lập chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản 632 ***(Phụ lục 2.2, Phụ lục 2.6)***.

*** Kế toán chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng của công ty phản ánh chi phí quảng cáo và hoa hồng từ việc môi giới khách. Một cá nhân hay tập thể nào đó giới thiệu cho Công ty một đoàn khách đạt doanh thu ở ngưỡng tối thiểu quy định thì sẽ được hưởng bao nhiêu % hoa hồng trên doanh thu đó, % hoa hồng tùy thuộc vào hoạt động môi giới.

Chứng từ kế toán

Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy báo nợ

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 641 - Chi phí bán hàng

Phương pháp kế toán

Hàng tháng căn cứ vào các chứng từ phản ánh chi phí bán hàng, kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 641 ***(Phụ lục 2.2, Phụ lục 2.7).***

*** Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty gồm: Chi phí về tiền lương cho cán bộ và nhân viên QLDN, thanh toán các dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp…

Chứng từ sử dụng

Bảng thanh toán tiền lương, thưởng, bảng thanh toán tiền làm thêm giờ, bảng thanh toán tiền ăn giữa ca, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, giấy nghỉ ốm hưởng bảo hiểm xã hội...; hóa đơn tiền điện, nước; hóa đơn tiền tiếp khách; bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ công cụ dụng cụ…

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp kế toán

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ phản ánh chi phí QLDN kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 642 ***(Phụ lục 2.2, Phụ lục 2.8)***

*** Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Bao gồm các khoản Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Chứng từ kế toán

Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng, thông báo tỷ giá hối đoái, chứng từ về xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ,…

Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 635 để hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

Phương pháp hạch toán

Kế toán căn cứ vào các chứng từ lập chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 635 ***(Phụ lục 2.9)***.

*** Kế toán chi phí khác**

Chi phí khác trong Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư bao gồm các khoản sau: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; tiền phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí khác.

Chứng từ sử dụng

Phiếu chi, giấy báo nợ, sổ theo dõi tình hình khấu hao TSCĐ, hóa đơn GTGT...

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 811 để hạch toán chi phí khác.

Phương pháp hạch toán

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ định khoản và ghi vào chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 811 ***(Phụ lục 2.2, Phụ lục 2.10)***.

*** Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chứng từ sử dụng

Chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tờ khai quyết toán thuế

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Phương pháp kế toán

Hằng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, lập chứng từ ghi sổ và sổ cái tài khoản 821.

2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

Phương pháp kế toán

Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Căn cứ phiếu kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 911 ***(Phụ lục 2.11, Phụ lục 2.12).***

2.4. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trên góc độ kế toán quản trị

2.4.1. Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Phân loại chi phí phục vụ quá trình ra quyết định tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng tại Công ty được phân chia theo yếu tố chi phí theo quy định, gồm:

Chi phí tiền lương và tiền ăn ca trả cho phòng kinh doanh;

Chi phí tiền môi giới bán hàng, tiếp thị bán hàng;

Các khoản trích theo lương;

Chi phí bảo hành, sửa chữa, bảo dưỡng;

Chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê mặt bằng;

Chi phí khấu hao TSCĐ;

Chi phí tiếp khách, chi phí quảng cáo;

Chi phí điện, nước phân bổ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp được phân chia theo yếu tố chi phí theo quy định như chi phí lương và các khoản trích theo lương bộ phận quản lý, chi phí xăng dầu đi công tác, chi phí thuê nhà xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí điện, nước...

Việc phân loại chi phí theo tiêu thức này chủ yếu thực hiện chức năng cung cấp thông tin quá khứ.

Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế chi phí tại Công ty bao gồm các yếu tố

Chi phí nhân công như tiền lương, tiền công, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN... của bộ phận trực tiếp sản xuất và bộ phận gián tiếp.

Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh tổng số khấu hao phải trích trong kỳ cho tất cả các TSCĐ sử dụng cho sản xuất kinh doanh.

Chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị...

Chi phí khác như công tác phí, chi phí đào tạo, chi phí quảng cáo...

Cách phân loại chi phí của Công ty chủ yếu phục vụ cho kế toán tài chính, chưa hướng tới phục vụ yêu cầu quản trị. Cụ thể: việc phân loại chi phí theo mối quan hệ chi phí với mức độ hoạt động (định phí, biến phí, chi phí hỗn hợp), chi phí cơ hội, chi phí chìm, chi phí kiểm soát được, không kiểm soát được... để đánh giá những khoản chi phí nào có thể tiết kiệm, cắt giảm để ra quyết định quản lý chi phí và lập dự toán.

Dự toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Việc lập dự toán SXKD có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó là khâu trong quá trình hoạch định, kiểm tra, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

Vào tháng 12 hàng năm Công ty tổ chức họp xây dựng kế hoạch cho năm tới và điều chỉnh chiến lược phát triển Công ty cho phù hợp với thực tế của Công ty và thực trạng nền kinh tế. Cuộc họp có sự tham dự của đầy đủ các trưởng bộ phận và lãnh đạo Công ty. Sau khi cuộc họp kết thúc mọi người cùng thống nhất được kế hoạch kinh doanh của Công ty cho năm tới, các trưởng bộ phận có trách nhiệm lập kế hoạch chi tiết cho bộ phận mình để thực hiện kế hoạch chung của Công ty. Các mục tiêu và những việc cần làm của từng bộ phận phải hướng tới việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Qua khảo sát cho thấy, hàng năm Công ty mới chỉ tiến hành xây dựng dự toán doanh thu trên cơ sở phân tích các yếu tố về môi trường kinh doanh, khả năng, nguồn lực của Công ty và số liệu doanh thu của các năm trước liền kề ***(Phụ lục 2.13)***.

Thực tế công tác xây dựng, quản lý và sử dụng dự toán doanh thu, chi phí, KQKD ở doanh nghiệp mới chỉ đáp ứng được yêu cầu của công tác KTTC, chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị DN. Các dự toán chi tiết cho từng bộ phận chưa được doanh nghiệp tiến hành xây dựng. Hiện nay, việc xây dựng, quản lý và sử dụng dự toán về doanh thu, chi phí, KQKD thực tế ở doanh nghiệp chưa có sự tham gia tích cực có hiệu quả của bộ phận kế toán. Do đó, doanh nghiệp muốn thiết lập dự toán nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cho từng bộ phận, hoặc toàn doanh nghiệp thì sẽ không có được những căn cứ vững chắc.

Việc lập dự toán chi phí phải tuân thủ theo quy trình bao gồm các bước sau:

- *Bước 1:* Thu thập đầy đủ các thông tin về tuyến điểm tham quan, giá trị của tuyến điểm đó, phong tục tập quán và các thông tin có liên quan đến việc tổ chức các chuyến đi như: loại hình phương tiện vận chuyển, loại hình cơ sở lưu trú và chất lượng, giá cả các dịch vụ các thông tin khác như thủ tục hải quan, vi sa, đổi tiền, chế độ bảo hiểm cho khách...

- *Bước 2:* Sơ đồ hoá tuyến du lịch, lên kế hoạch và lịch trình chi tiết về các tuyến điểm, độ dài tour, địa điểm xuất phát, phương tiện vận chuyển và các dịch vụ ăn nghỉ. Việc thiết kế hành trình du lịch đòi hỏi phải cân nhắc kỹ lưỡng về tính khả thi của chương trình, thông qua việc nghiên cứu và khảo sát thực địa, hợp đồng với các đối tác cung cấp dịch vụ.

- *Bước 3:* Định giá chương trình du lịch phải căn cứ vào tổng chi phí chương trình du lịch bao gồm định phí (giá vận chuyển, quảng cáo, quản lý, hướng dẫn viên) và các biến phí khác (ăn, ngủ, bảo hiểm, tham quan…) và lợi nhuận dự kiến của Công ty để xây dựng định mức giá và cơ cấu chi phí. Mức giá trọn gói chương trình du lịch nhỏ hơn mức giá các dịch vụ cung cấp trong chương trình du lịch, việc tính giá phải đảm bảo tính đúng, tính đủ để có thể

trang trải các chi phí bỏ ra cũng như mang lại lợi nhuận cần thiết cho doanh nghiệp và có khả năng hấp dẫn thu hút khách hàng. Bảng dự toán chi phí được thể hiện ở ***phụ lục 2.14***.

Như vậy, có thể thấy rằng bước đầu thông qua các thông tin về định mức, kế hoạch doanh thu, nhà quản lý đã có được các thông tin ban đầu về kế hoạch bán hàng, doanh thu dự kiến của từng hoạt động. Công ty đã quan tâm đến việc lập dự toán chi phí, doanh thu và kết quả làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chi phí, doanh thu và lợi nhuận của toàn doanh nghiệp.

2.4.2. Thu thập thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Khảo sát thực tế cho thấy, công tác thu nhận thông tin kế toán tại các Công ty được thể hiện ở những nội dung sau:

Chủ thể thu nhận thông tin: Việc thu nhận thông tin kế toán tại các DN xây lắp chủ yếu được thực hiện bởi cán bộ kế toán của Công ty.

Việc tiếp nhận thông tin từ 2 nguồn: dữ liệu được kế toán ghi chép trên các chứng từ gốc và thông tin ghi nhận từ các bộ phận hạch toán nghiệp vụ.

Phương pháp thu thập thông tin: Để phục vụ công tác quản trị doanh thu, chi phí, thông tin về doanh thu, chi phí được Công ty thu thập từ thông tin thực hiện và thông tin tương lai.

Thông tin thực hiện là thông tin về tình hình thực hiện doanh thu, chi phí, tài sản. Thông tin này được thu thập từ hệ thống chứng từ như hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT xuất cho khách hàng, các hóa đơn đầu vào, phiếu xuất kho…; sổ sách kế toán (sổ cái tài khoản 511, 154, 632, 641, 642, 911), theo phương pháp ghi chép.

Thông tin tương lai được thu thập từ bộ phận lập dự toán (Phòng điều hành, Phòng kinh doanh và bộ phận kế toán). Phòng Điều hành và Phòng kinh

doanh phối hợp thu thập đầy đủ các thông tin về tuyến điểm tham quan và các thông tin, giá cả có liên quan đến việc tổ chức các chuyến đi như: loại hình phương tiện vận chuyển, cơ sở lưu trú, bảo hiểm, visa.... Sau đó lên kế hoạch và lịch trình chi tiết. Việc thiết kế hành trình du lịch đòi hỏi phải cân nhắc kỹ lưỡng về tính khả thi của chương trình, thông qua việc nghiên cứu và khảo sát thực địa, hợp đồng với các đối tác cung cấp dịch vụ.… để lập dự toán cho từng chương trình tour. Bộ phận kế toán lập dự toán chi phí trên cơ sở dự toán chương trình tour đã được lập và những dự toán mà bản thân kế toán đã lập từ trước.

2.4.3. Phân tích thông tin phù hợp phục vụ việc ra quyết định tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Sau khi thu thập thông tin thực hiện về chi phí, doanh thu và kết quả, nhiệm vụ quan trọng của KTQT là phân tích các thông tin sau khi thu thập để cung cấp các thông tin hữu ích phục vụ công tác quản lý của doanh nghiệp đồng thời cung cấp các thông tin cần thiết cho việc ra các quyết định kinh doanh của lãnh đạo Công ty. Việc phân tích này thường dựa vào số liệu thực tế do KTQT cung cấp.

Cụ thể thực tế qua khảo sát tại công tyviệc phân tích thông KTQT chưa được thực hiện một cách thường xuyên và thiếu tính hệ thống. Công ty chỉ thực hiện phân tích khi cần thiết và không xây dựng kế hoạch từ đầu. Hình thức phân tích chủ yếu mới chỉ dừng lại ở mức độ so sánh số liệu thực tế với số liệu năm trước và số liệu kế hoạch đối với một số chỉ tiêu chủ yếu như doanh thu, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, tổng doanh thu, tổng chi phí…Những báo cáo phân tích này chưa có sự đánh giá tính hiệu quả của chi phí nhất là các chi phí trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Về phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (CVP) để ra quyết định kinh doanh: Công ty chưa thực tiện phân tích mối quan hệ chi phí -

khối lượng - lợi nhuận. Do bản thân Công ty cũng cảm thấy không cần thiết cũng như chưa có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận.

Công ty chưa phân loại chi phí bán hàng và QLDN thành biến phí và định phí nên việc phân tích điểm hòa vốn là khó khăn, từ đó khó xác định cần tiêu thụ bao nhiêu để đạt được lợi nhuận mong muốn.

Hiện nay, DN vẫn chưa xây dựng được một hệ thống chỉ tiêu quản trị phản ánh toàn diện các khía cạnh quản lý doanh thu, chi phí, KQKD làm cơ sở cho công tác tập hợp và phân tích thông tin. Các báo cáo về thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh tại DN đều được lập theo các khái niệm, nguyên tắc, chuẩn mực trong KTTC. Chính vì vậy, thông tin trên báo cáo chi tiết không thỏa mãn được nhu cầu thông tin của nhà quản trị.

Hiện nay, doanh nghiệp đang sử dụng chủ yếu các báo cáo sau: Báo cáo phân tích một số chỉ tiêu tài chính ***(Phụ lục số 2.15)***, Báo cáo thực hiện kế hoạch doanh thu ***(Phụ lục số 2.16)***. Những báo cáo này chưa cung cấp đầy đủ thông tin để phục vụ cho chức năng hoạch định, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Các báo cáo chi tiết này được lập định kỳ như BCTC, vì vậy nó thường không đáp ứng được tính kịp thời của thông tin để ra quyết định quản lý có hiệu quả.

2.5. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

2.5.1. Một số ưu điểm và kết quả đạt được

2.51.1. Trên góc độ kế toán tài chính

Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty có sự chuyên môn hoá, đảm bảo đúng nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng: mỗi người được phân công thực hiện một số công việc kế toán khác nhau, có tính

chất logic cao, tạo ra sự chuyên môn hoá khả năng làm việc. Do vậy, cán bộ nhân viên đã hết lòng với công việc và đạt hiệu quả làm việc cao. Tổ chức, bố chí hợp lý các cán bộ kế toán, phù hợp với năng lực của từng người, tạo ra môi trường làm việc hợp lý, làm cho mỗi người đều hài lòng với công việc được giao. Vì vậy, công tác kế toán và quản lý tại Công ty có tính hiệu quả, kinh tế cao.

Về hệ thống chứng từ: Công ty đã áp dụng hợp lý hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ tài chính, cập nhật theo những thay đổi của Thông tư 200/2014/TT-BTC. Quá trình luân chuyển chứng từ được tổ chức khoa học từ việc lập, phê duyệt, sử dụng, lưu trữ, bảo quản giúp cho công tác kế toán của Công ty được tiến hành chặt chẽ và hiệu quả thuận lợi cho việc theo dõi và kiểm tra khi cần thiết.

Về hình thức kế toán: Công ty đã lựa chọn hình thức sổ kế toán là hình thức chứng từ ghi sổ. Việc áp dụng hình thức sổ này của công ty đã giảm nhẹ được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, việc ghi chép vào các sổ kế toán có liên quan rất rõ ràng và được đối chiếu số liệu dần đều trong tháng tạo điều kiện thuận lợi cho báo cáo kế toán cuối kỳ kinh doanh được lập kịp thời.

Về tài khoản sử dụng: Công ty đăng ký sử dụng hầu hết các tài khoản do Bộ tài chính ban hành. Bên cạnh đó, một số tài khoản được mở chi tiết cho phù hợp với nội dung kinh tế của từng phần hành trong Công ty.Việc mở chi tiết này là phù hợp với yêu cầu quản lý và hạch toán thực tế tại Công ty, giúp cho việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chính xác và kịp thời.

Trong điều kiện hiện nay, cùng với sự phát triển của đất nước các hoạt động kinh tế diễn ra liên tục và mang tính phức tạp cao. Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu hoạt động của con người ngày càng cao. Trong cơ chế thị trường hiện nay sự cạnh tranh gay gắt luôn kèm theo sự rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Do vậy, để giữ vững và khẳng định được vị trí của mình trong cơ

chế mới đòi hỏi Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư phải tìm mọi cách để tăng doanh thu, giảm chi phí, thu được lợi nhuận cao cho công ty của mình. Để đạt được những mục tiêu đó công ty phải mạnh dạn nhận ra những nhược điểm còn tồn tại của mình từ đó có hướng sửa đổi thích hợp, nhằm liên tục kinh doanh phát triển và có lãi.

2.5.1.2. Trên góc độ kế toán quản trị

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư được xây dựng phù hợp với các quy định chung của Nhà nước, các phần hành KTTC cũng đã cung cấp được thông tin cho các cơ quan quản lý và các nhà lãnh đạo thông qua các BCTC.

Phần lớn Công ty đã thực hiện đúng hạch toán ban đầu, sử dụng và ghi chép chứng từ về hàng tồn kho, TSCĐ, tiền lương và các khoản trích theo lương theo đúng quy định của Nhà nước làm cơ sở để kế toán cung cấp đầy đủ thông tin tổng hợp. Qua các thông tin trên giúp cho nhà quản trị thực hiện việc quản lý các yếu tố đầu vào cả về mặt hiện vật và giá trị, tình hình huy động các nguồn vốn để đầu tư nguyên vật liệu, TSCĐ...

KTQT kết hợp KTTC đảm bảo tính kịp thời trong việc thu thập, xử lí và cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản trị. Các số liệu được tổng hợp trực tiếp từ sổ sách của KTTC có tính chính xác cao. Hơn nữa, để đáp ứng tính kịp thời trong công tác quản lý, các bộ phận kế toán luôn đôn đốc sát sao các bộ phận liên quan trong việc đáp ứng kịp thời thông tin số liệu để cập nhật và dự báo.

KTQT được thực hiện từ các kế toán viên đến kế toán trưởng. Công việc lập báo cáo và lập các dự toán về chi phí, doanh thu luôn được thực hiện vào cuối ngày và được tổng kết đánh giá lại vào cuối tuần giữa bộ phận kiểm soát nội bộ, kế toán trưởng và bộ phận kế toán viên có liên quan đến sự biến động chi phí, doanh thu thay đổi đáng kể hoặc cần báo động của bộ phận đó,

hệ thống báo cáo quản trị được Công ty vận dụng linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực SXKD của công ty.

Báo cáo được chia ra làm hai loại: Báo cáo bộ phận và báo cáo tổng hợp.

Báo cáo bộ phận được thực hiện bởi các cá nhân ở từng khâu công việc có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến thông tin kế toán. Báo cáo bộ phận có thể là báo cáo tiến độ công việc, công việc đã hoàn thành và dự kiến thực hiện tiếp theo. Thông thường các báo cáo thường ngắn gọn tập trung chủ yếu vào báo cáo công việc đã thực hiện và dự báo về sự thay đổi trong tương lai về chi phí, doanh thu.

Báo cáo tổng hợp được thực hiện bởi kế toán tổng hợp hoặc kế toán trưởng tại công ty. Báo cáo nêu rõ tình hình thay đổi, phát sinh chi phí, doanh thu ở các bộ phận, nguyên nhân của những thay đổi trên. Đồng thời, báo cáo đưa ra số liệu cụ thể về tình hình doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh đã thực hiện và lập các dự báo cho thời điểm tiếp theo.

Công tác quản trị chi phí gắn trực tiếp với từng kế toán viên quản lí từng bộ phận phát sinh chi phí nên khi có bất kỳ sự thay đổi chi phí của toàn công ty, ban kiểm soát sẽ kiểm tra từng bộ phận chi phí xem xét các tỷ lệ chi phí cam kết của từng bộ phận có biến động hay không và yêu cầu kế toán viên của từng bộ phận đó giải trình.

2.5.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

2.5.2.1.Trên góc độ kế toán tài chính

Ghi nhận doanh thu: Hiện nay Công ty đang ghi nhận doanh thu và chi phí vào thời điểm nhận được chứng từ, quyết toán tour và phát hành hoá đơn GTGT cho khách hàng, như vậy đối với các tour du lịch liên quan đến 2 kỳ kế toán, việc ghi nhận doanh thu này chưa phù hợp với chuẩn mực và chế độ

kế toán cũng như chưa phản ánh được chính xác số doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của các tour du lịch liên quan đến 2 kỳ kế toán.

Tồn tại xung quanh việc hạch toán chi phí trực tiếp: việc xác định, phân bổ và hạch toán một số nội dung chi phí chưa chính xác, đặc biệt trong hoạt dộng kinh doanh lữ hành, lương trả cho nhân viên điều hành tour được hạch toán vào TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp trong khi chỉ có chi phí trả cho việc thuê hướng dẫn viên là công tác viên mới được coi là chi phí trực tiếp và hạch toán vào tài khoản 1541 hoặc chi phí khấu hao xe ô tô của tổ xe được hạch toán chi phí sản xuất chung của hoạt động vận chuyển và được hạch toán vào tài khoản 1542 mà không được phân bổ cho hoạt động lữ hành.

2.5.2.2. Trên góc độ kế toán quản trị

Nhà quản trị trong công ty chưa đánh giá hết tầm quan trọng của công tác kế toán quản trị. Công tác kế toán quản trị ở công ty đã được triển khai tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở bước đầu thực hiện một số nội dung kế toán quản trị, doanh thu, chi phí, KQKD nhưng chưa có sự phân công trách nhiệm một các cụ thể, mô hình không rõ ràng.

Về phân loại chi phí: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư do chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phân loại và kiểm soát chi phí nên chưa quan tâm đến việc xem xét chi phí được hình thành như thế nào, ở đâu, chi phí như thế nào thì có hiệu quả nhất.... Vì vậy, trong quá trình thực hiện phân loại chi phí thì tiêu thức nội dung, tính chất của chi phí được Công ty sử dụng. Đây là cách phân loại được sử dụng phổ biến trong KTTC, còn đối với cách phân loại chi phí theo yêu cầu của KTQT như:

Phân loại theo mối quan hệ với mức độ hoạt động, chi phí kiểm soát và không kiểm soát được, chi phí cơ hội, chi phí chênh lệch, chi phí chìm,... thì không được thực hiện. Do đó, khi nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh doanh, cung cấp dịch vụ thường gặp nhiều khó khăn, quyết định

đưa ra không có căn cứ khoa học vững chắc. Tính khả thi và hiệu quả thu được từ việc thực hiện các phương án kinh doanh không cao.

Về việc lập dự toán: Công ty chưa lập dự toán chi phí theo từng tháng, chưa dự tính được hết các chi phí phát sinh, việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ việc lập dự toán chưa được thực hiện. Chưa có sự so sánh giữa chi phí thực tế phát sinh với định mức dự toán chi phí để tìm nguyên nhân chênh lệch và có biện pháp khắc phục nguyên nhân làm tăng chi phí so với dự toán đã xây dựng. Điều này ảnh hưởng đến việc ra quyết định kịp thời của nhà quản trị.

Về thu thập thông tin từ hệ thống chứng từ ban đầu: Bên cạnh việc vận dụng hệ thống chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư đã sử dụng một số loại chứng từ tự thiết kế nhưng còn thiếu các yếu tố cần thiết của chứng từ nên chưa phản ánh được hết bản chất nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị.

Về phân tích thông tin chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh: Do chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích thông tin trong quá trình đưa ra các quyết định nên Công ty chỉ tiến hành phân tích thông tin trên các báo cáo tài chính mà không thực hiện phân tích thông tin dưới góc độ của KTQT như điểm hòa vốn, phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận, ứng dụng thông tin thích hợp cho việc quyết định sản xuất kinh doanh ngắn hạn, gây ra tình trạng thụ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc phân tích các thông tin dự đoán tương lai cũng không được quan tâm đúng mức. Vì vậy, khi đưa ra các phương án kinh doanh để lựa chọn, các doanh nghiệp chỉ dựa đơn thuần vào cách dự đoán lãi, lỗ cho từng phương án theo công thức lãi bằng tổng doanh thu trừ tổng chi phí, mà

không dựa trên cơ sở phân tích mối quan hệ chi phí, khối lượng, lợi nhuận, không phân chi phí ra thành biến phí và định phí để có cơ sở tính, phân tích điểm hòa vốn và đánh giá khả năng thời hạn hoàn vốn đầu tư, không sử dụng thông tin thích hợp để đánh giá các phương án đang xem xét. Do đó, việc tính toán trong nhiều trường hợp không chính xác, nhiều khi biến lãi thành lỗ và ngược lại.

Về công tác lập báo cáo: các báo cáo quản trị lập tại Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư chủ yếu lập theo định kỳ và chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, các chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH, THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư trong tương lai

3.1.1. Mục tiêu kinh doanh

Công tác đổi mới doanh nghiệp:

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới mọi mặt, xây dựng và phát triển Công ty thành Công ty mạnh, bền vững, có tốc độ tăng trưởng nhanh và có tính cạnh tranh cao.

Tổ chức hình thành phát triển chi nhánh, văn phòng đại diện từ Bắc, Trung, Nam và hoàn thiện hệ thống đại lý …

Công tác đầu tư:

Đầu tư thay đổi phương tiện vận chuyển, mở đường tour quốc tế…

Đầu tư nâng cao , công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển với tốc độ cao.

Công tác quản lý:

Hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giữa các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

Tăng cường công tác hạch toán, quản lý chặt chẽ các chi phí quản lý công ty, đảm bảo kinh doanh (KD) có hiệu quả và tích luỹ vốn để phát triển.

Phân cấp và giao quyền cho các phòng ban trực thuộc trong quá trình kinh doanh, gắn trách nhiệm và quyền lợi đối với cán bộ quản lý.

Công tác phát triển nguồn lực:

Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực cho hoạt động kinh doanh (KD) của Công ty. Xây dựng và phát triển nguồn lực con người của Công ty mạnh về mọi mặt đủ về chất lượng và số lượng, có năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ mới.

Trên cơ sở định hướng và mục tiêu phát triển KD đến 2025 cùng với các yếu tố thuận lợi và những khó khăn thách thức, Công ty sẽ phát huy cao độ kết quả đã đạt được trong những năm qua, khắc phục những yếu kém để dần ổn định và phát triển KD theo định hướng của Công ty phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho người lao động trong Công ty.

3.1.2. Chiến lược phát triển

Quản lý thật tốt cơ sở vật chất hiện có, đặc biệt đối với phương tiện vận tải thương xuyên bảo dưỡng, tu sửa, mua mới...

Phát huy lợi thế hiện có, khai thác chiều sâu tiềm năng du, mở rộng quy mô kinh doanh trên các địa điểm thu hút khách, cụ thể là: Các nhà nổi kinh doanh các đặc sản, món ăn truyền thống... tạo ra môi trường kinh doanh rộng lớn, sản phẩm đa dạng phục vụ mọi nhu cầu của khách.

Thu hút vốn đầu tư để cải tạo lại khu vực kinh doanh mở rộng diện tích kinh doanh, đổi mới cơ sở vật chất trong công ty ngày càng hiện đại để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội .

Đảm bảo mức vốn cao hơn cho cán bộ công nhân viên và cụ thể là tăng thu nhập bằng cách: Duy trì tạo việc làm cho cán bộ công nhân viên của công ty để họ có thu nhập ổn định từ đó họ yên tâm công tác sẽ tạo năng xuất lao động cao hơn.

Tiếp tục hoàn thiện lại bộ máy của công ty, xem xét lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh từ khâu tổ chức, phân công bố trí lao động, tổ chức lại sản xuất kinh doanh cho hợp lý.

Có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cán bộ công nhân viên của công ty cho hợp lý để có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhiệm vụ được giao.

3.2. Yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Hệ thống kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh phải được lập theo pháp luật, đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, và các chế độ tài chính khác có liên quan đến thông tin kinh tế tài chính chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Thông tin tài chính kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh đúng sự thật nội dung, bản chất và giá trị của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo hợp lý theo các nguyên tắc phù hợp, công khai, minh bạch, đáp ứng đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cần phải dựa vào thực tế môi trường kinh doanh và đặc điểm hạch toán kế toán trong hoạt động kinh doanh nhằm xây dựng một hệ thống hạch toán kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh phù hợp nhất, phục vụ tốt nhất trong hoạt động kinh doanh

Hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp cần đảm bảo xử lý thông tin kế toán nhanh nhạy, chính xác , cung cấp thông tin kịp thời các thông tin hữu ích nhưng không mất quá nhiều chi phí so với hạch toán kế toán ban đầu. Hệ thống hạch toán được hoàn thiện không được cồng kềnh tốn kém, không mang lại hiệu quả cao mà lại không có tính khả thi.

Hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh phải phù hợp với điều kiện phát triển của nền kinh tế Việt Nam nói chung và phù hợp với môi trường kinh doanh.

Song song với kế toán tài chính nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ cho nhà quản trị. Để sử dụng hiệu quả công cụ này, doanh nghiệp cần chú ý một số vấn đề sau:

Hệ thống kế toán quản trị không có một quy chuẩn pháp lý chung nào về hình thức và nội dung báo cáo. Do đó, doanh nghiệp phải tự xây dựng một hệ thống chỉ tiêu kế toán quản trị theo mục tiêu quản trị đặt ra. Các chỉ tiêu này phải đảm bảo so sánh được giữa các thời kỳ để đưa đưa ra được các đánh giá chính xác về thực tế tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần xây dựng quy trình thống nhất, thiết lập hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Điều này không những giúp doanh nghiệp chuẩn hóa hoạt động mà còn là cơ sở để cung cấp nguồn số liệu chính xác cho kế toán quản trị trong quá trình lập báo cáo, giúp việc so sánh các chỉ tiêu hiệu quả hơn.

Cần xây dựng một đội ngũ nhân sự làm công việc kế toán không những có chuyên môn nghiệp vụ mà còn có sự hiểu biết về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các phân tích, đánh giá chính xác trên cơ sở số liệu thu thập được.

Báo của kế toán quản trị được sử dụng kết hợp với các báo cáo khác của doanh nghiệp như báo cáo về thị trường, đối thủ cạnh tranh, công nghệ sản xuất...để có cái nhìn tòan diện hơn về các yếu tố đang tác động đến hoạt động của doanh nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xử lý số liệu, sử dụng hệ thống phần mềm quản trị thống nhất, tận dụng nguồn thông tin từ kế toán tài chính.

3.3. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và

xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

3.3.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính

Qua quá trình tìm hiểu công tác hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh thấy được quá trình hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều phần làm tốt bên cạnh đó còn có một số yếu kém vẫn tồn tại. Để công ty hoạt động kinh doanh được tốt và có hiệu quả cao hơn công ty phải phát huy và có nhiều biện pháp khắc phục những những vấn đề còn tồn tại.

Dưới đây là một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư như sau:

Giải pháp 1:

Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch thì để thực hiện được giá trị dịch vụ, doanh nghiệp du lịch phải cung cấp dịch vụ cho khách, được khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán. Đặc điểm của ngành kinh doanh du lịch là quá trình sản xuất và tiêu thụ diễn ra đồng thời, do vậy những dịch vụ đã thực hiện trong kỳ cũng chính là những dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu dịch vụ là tổng giá trị được thực hiện do cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong kỳ. Nhận thức rõ bản chất của doanh thu và xác định đúng đắn phạm vi, thời điểm, cơ sở ghi nhận doanh thu ảnh hưởng có tính chất quyết định đến tính khách quan, trung thực của chỉ tiêu doanh thu, kết quả trong báo cáo tài chính. Do vậy, cần xác định đúng thời điểm ghi nhận doanh thu.

Trên thực tế hiện nay Công ty thực hiện khá nhiều tour du lịch trong nước và tour du lịch quốc tế có thời gian kéo dài giữa 2 kỳ kế toán. Thời điểm

ghi nhận doanh thu của Công ty là khi kết thúc hợp đồng, tập hợp đầy đủ các chứng từ, quyết toán tour và phát hành hoá đơn cho khách hàng.

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS 14) được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kì kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kì thường được thực hiện theo phương pháp tỉ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kì kế toán được xác định theo tỉ lệ phần công việc đã hoàn thành và được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tuỳ thuộc và bản chất của dịch vụ:

- Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;

- So sánh giữa tỉ lệ giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;

- Tỉ lệ chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Nhưng hiện nay Công ty đang ghi nhận doanh thu và chi phí vào thời điểm nhận được chứng từ, quyết toán tour và phát hành hoá đơn GTGT cho khách hàng chứ không phải vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ hay xác định doanh thu theo phần công việc đã hoàn thành nên chỉ tiêu về doanh thu và chi phí báo cáo trên Báo cáo kết quả kinh doanh không phản ánh đúng thực tế kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo.

Để việc ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty thực hiện theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán cũng như phản ánh được chính xác số doanh

thu, chi phí, kết quả kinh doanh của các tour du lịch liên quan đến 2 kỳ kế toán, công ty cần:

- Căn cứ vào thời gian phát sinh chi phí để ghi nhận chi phí cho các kỳ tương ứng.

- Căn cứ vào các chứng từ phát sinh chi phí trong quá trình thực hiện để tính toán doanh thu tương ứng theo công thức:

Doanh thu của tour du lịch tính vào doanh thu từng tháng	=	Doanh thu của tour du lịch	x	Chi phí trực tiếp của tour du lịch tính vào chi phí từng tháng Chi phí trực tiếp của tour du lịch

Hoặc để đơn giản chúng ta có thể ghi nhận phần doanh thu và chi phí của tour du lịch cho từng kỳ theo tỷ lệ thời gian thực hiện tour đó.

Với thực trạng ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty hiện nay không phản ánh được chính xác kết quả kinh doanh của từng tour du lịch cụ thể theo từng kỳ kế toán. Công ty có thể tham khảo kiến nghị này nhằm cho công tác kế toán được thực hiện đúng theo chế độ và chuẩn mực của Bộ tài chính ban hành cũng như việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh của các kỳ kế toán được chính xác.

Giải pháp 2:

Hiện tại các khoản chi phí khấu hao, sửa chữa xe ô tô ở bộ phận vận chuyển phục vụ cho hoạt động lữ hành và vận chuyển đang được công ty hạch toán và tính vào giá vốn hoạt động vận chuyển. Công ty nên phân bổ chi phí này cho cả hai hoạt động để tính toán được giá vốn chính xác cho từng hoạt động.

Đối với phần chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của cán bộ nhân viên trực tiếp hoạt động kinh doanh của bộ phận nào nên được hạch toán vào chi phí nhân công trực tiếp của bộ phận đó (tập hợp cho tài khoản

TK 622 - chi tiết từng bộ phận kinh doanh). Còn phần lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận bộ máy quản lý của công ty mới tập hợp vào TK 642 - Chi phí quản ký doanh nghiệp.

Giải pháp 3:

Tại công ty hiện nay việc lập chứng từ ghi sổ của công ty được tiến hành cuối tháng một lần, làm như vậy công ty rất khó để theo dõi các nghiệp vụ được đầy đủ. Vì các nghiệp phát sinh nhiều, vậy công ty nên lập chứng từ ghi sổ cho nghiệp vụ phát sinh 5 ngày một lần hoặc 10 ngày một lần để theo dõi các nghiệp vụ phát sinh, sau đó căn cứ vào các chứng từ ghi sổ đó kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Giải pháp 4: hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và ứng dụng phần mềm kế toán phù hợp với đặc thù doanh nghiệp

Công ty nên tổ chức nhiều hơn các lớp đào tạo, hướng dẫn, nâng cao năng lực trình độ cho đội ngũ nhân viên kế toán, trong đó có kiến thức, kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán. Mỗi kế toán viên phải không ngừng học hỏi kinh nghiệm, tìm hiểu các quy định, chế độ kế toán mới ban hành để áp dụng vào công việc một cách tốt nhất đặc biệt cần chủ động nâng cao trình độ chuyên môn, chủ động trong việc cung cấp, phân tích thông tin kế toán quản trị.

Một nhân viên kế toán công ty du lịch thường phải làm rất nhiều công việc: Xuất hóa đơn, theo dõi công nợ khách hàng, nhà cung ứng, xử lý khiếu nại của khách, tính chi phí dự trù, chi phí Tour mới…Các công việc tuy không quá phức tạp nhưng lại mất nhiều thời gian, dễ bị nhầm lẫn hay bỏ sót. Chính bởi vậy, Công ty nên chuyển sang sử dụng các phần mềm kế toán cần đáp ứng được các nghiệp vụ đặc thù như: quản lý các gói tour du lịch, quản lý báo giá cho nhiều đối tượng, quản lý đặt, đổi hay hủy tour, quản lý tiền cọc và tiến độ thanh toán từng hợp đồng, quản lý doanh thu, chi phí, lãi/lỗ theo từng

hợp đồng… du lịch để tối ưu năng suất công việc và giảm sai sót không đáng có.

3.3.2. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị

3.3.2.1. Hoàn thiện việc tổ chức bộ máy kế toán phục vụ cho kế toán quản trị

Bộ máy KTQT cần được tổ chức hợp lý để thực hiện tốt các nội dung KTQT như lập dự toán, thu thập thông tin, kiểm soát, phân tích, ra quyết định… do vậy Công ty cần hoàn thiện bộ máy kế toán hiện có để thực hiện công tác KTQT, đảm bảo tính khoa học và các yêu cầu cung cấp thông tin. Căn cứ vào quy mô và năng lực kinh tế, đặc điểm hoạt động, cơ cấu tổ chức quản lý, điều kiện áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm kế toán và trình độ cán bộ kế toán, Công ty nên chọn mô hình kế toán quản trị kết hợp được thể hiện ở sơ đồ sau:

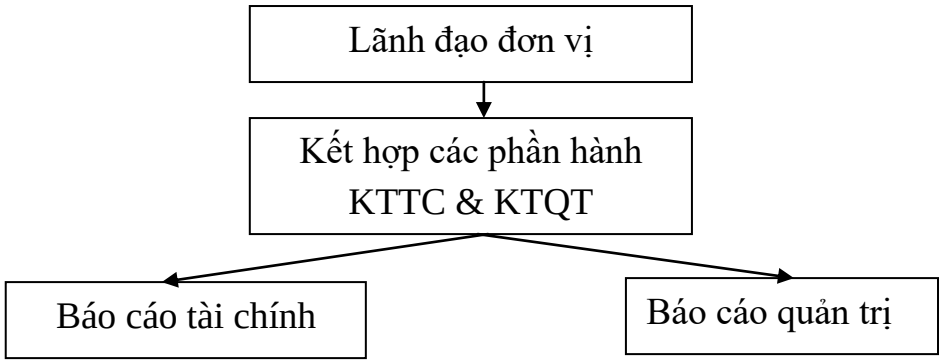

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ mô hình kế toán quản trị

Với mô hình này, thì bộ phận KTTC với KTQT có thể được tổ chức chung một ở phòng kế toán hoặc hai phòng khác biệt, nhưng đều thực hiện các phần hành tách biệt nhau ở tất cả các nội dung. Vì thế, ưu điểm của mô hình này là nội dung KTQT cũng có sự khác biệt để phát huy tối đa vai trò

của KTQT, nhưng hạn chế là phát sinh nhiều loại chi phí từ việc thiết kế, điều hành đến kiểm soát hoạt động của các phần hành.

3.3.2.2. Hoàn thiện việc phân loại chi phí phục vụ cho yêu cầu quản trị

Bên cạnh việc phân loại theo nội dung và công dụng như hiện nay, thì chi phí cần được phân loại theo hướng đa dạng hơn: phân loại theo mức độ hoạt động (biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp); phân loại chi phí theo thẩm quyền ra quyết định (chi phí kiểm soát được, chi phí không kiểm soát được); các loại chi phí được sử dụng trong lựa chọn các phương án (chi phí chênh lệch, chi phí chìm, chi phí cơ hội)…. Cách phân loại chi phí này sẽ đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị doanh nghiệp về lập kế hoạch chi phí, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí, ra quyết định kinh doanh nhanh chóng và hiệu quả.

3.3.2.3. Hoàn thiện quá trình lập dự toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh

Lập dự toán chi phí kinh doanh là việc đưa ra các dự kiến chi tiêu trong kỳ kinh doanh. Thực chất đây là việc xây dựng các mục tiêu cần đạt được trong kỳ kế hoạch và các bước thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Hệ thống kế toán sẽ tiến hành cụ thể hoá kế hoạch của các nhà quản trị thông qua việc lập dự toán. Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu thị trường và chi phí có thể phải bỏ ra các doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành lập dự toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh, các dự toán này sẽ được lập cụ thể chi tiết cho từng loại hoạt động, từng phòng ban và sau đó sẽ được tổng hợp trên phạm vi toàn Công ty. Các dự toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh nên được lập hàng năm và chi tiết theo từng quý, từng tháng.

Hệ thống dự toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh rất hữu ích đối với công tác quản lý. Hệ thống dự toán này sẽ giúp các doanh nghiệp chủ động trong việc bố trí, huy động và sử dụng các nguồn lực trong quá trình

hoạt động kinh doanh. Mặt khác hệ thống dự toán còn là cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động thực tế của mỗi loại sản phẩm dịch vụ, mỗi phòng ban và của toàn Công ty.

Công tác xây dựng, quản lý và sử dụng dự toán doanh thu, chi phí ở Công ty mới chỉ đáp ứng được yêu cầu của công tác KTTC, chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, để thực hiện được công tác KTQT, đáp ứng nhu cầu thông tin cho các nhà quản lý, Công ty cần thiết phải điều chỉnh và lập bổ sung dự toán doanh thu, chi phí, KQKD cho các kỳ HĐKD, cụ thể như sau:

Dự toán về doanh thu: Hiện tại, Công ty đã xây dựng được dự toán doanh thu cho cả năm và chi tiết cho từng tháng ***(Phụ lục số 2.13)***. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần xây dựng và bổ sung chi tiết cho từng hoạt động kinh doanh này thì sẽ đảm bảo đáp ứng được đầy đủ nhu cầu thông tin cho các nhà quản trị ***(Phụ lục số 3.1)***.

Dự toán về chi phí: Hiện tại, Công ty đã có xây dựng kế hoạch giá thành và giá bán của từng chương trình du lịch làm cơ sở để cung cấp thông tin quản lý và theo dõi tình hình thực hiện chi phí. Tuy nhiên, việc lập dự toán chi phí, kế hoạch giá thành của công ty chưa chính xác do chưa xây dựng được hệ thống định mức chi phí hoàn chỉnh. Do vậy Công ty cần xây dựng được định mức phù hợp.

Dự toán kết quả kinh doanh: Dự toán kết quả kinh doanh phản ánh lợi nhuận dự kiến trong năm kế hoạch nếu mọi kế hoạch xảy ra đúng dự kiến. Đây là một trong những bản dự toán chủ yếu trong hệ thống dự toán HĐKD của các doanh nghiệp. Bởi vậy, trong quá trình lập dự toán phải đảm bảo độ chính xác cần thiết của nó. Căn cứ để lập dự toán kết quả kinh doanh là dự toán tiêu thụ và các dự toán chi phí trong kỳ kinh doanh ***(Phụ lục số 3.2, 3.3).***

3.3.2.4. Hoàn thiện tổ chức thu thập thông tin chi phí, doanh thu và kết

quả kinh doanh

Hệ thống chứng từ kế toán:

Đối với KTQT doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh, ngoài việc sử dụng những thông tin đã phản ánh ở các chứng từ bắt buộc, để phản tích tổng hợp các tình hình về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh còn sử dụng hệ thống chứng từ hướng dẫn. Các chứng từ hướng dẫn phải được Công ty cụ thể theo các chỉ tiêu phục vụ trực tiếp cho thu thập và xử lý thông tin quan trị nội bộ.

Đối với hoạt động lữ hành có thể tổ chức chứng từ theo cách sau:

- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: khi lập chứng từ về xuất kho nguyên vật liệu hoặc nguyên vật liệu mua về được sử dụng ngay…cần lập riêng cho từng bộ phận (ví dụ như: phòng hướng dẫn: vé tham quan, phòng nghỉ khách sạn, ăn, nước, khăn , túi xách, nón.…; tổ xe: tiền xăng xe)

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp: cần tổ chức lập chứng từ kế toán theo từng bộ phận, từng hoạt động cung cấp dịch vụ (nhân viên quản lý tour, hướng dẫn…)

- Với chi phí sản xuất chung: tổ chức chứng từ để tổng hợp chi phí theo từng bộ phận kinh doanh, ở từng bộ phận tập hợp chi phí theo từng yếu tố chi phí, sau đó lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để xác định chi phí cho từng bộ phận, từng hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với chi phí bán hàng: tổ chức chứng từ tập hợp chi phí theo từng bộ phận, trong mỗi bộ phận tập hợp theo từng yếu tố và phân bổ hợp lý chi phí này cho các bộ phận kinh doanh.

- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp: cần tổ chức chứng từ theo từng yếu tố chi phí và chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để xác định chi phí cho từng bộ phận.

Trong KTQT doanh thu các chứng từ gốc liên quan đến doanh thu

là:hóa đơn dịch vụ; hóa đơn GTGT; hợp đồng…

Việc tổ chức các chứng từ này cúng cần xuất phát từ yêu cầu thông tin chi tiết về doanh thu tương ứng với chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Hệ thống tài khoản kế toán:

Trong điều kiện thực hiện mô hình KTQT kết hợp KTTC trong bộ máy kế toán chung của doanh nghiệp. Việc tổ chức tài khoản kế toán để phản ánh chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh cần dựa vào hệ thống tài khoản sử dụng trong KTTC do Nhà nước ban hành để xây dựng thêm các tài khoản chi tiết tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Hiện tại công ty đã sử dụng đến tài khoản cấp 2 để phản ánh doanh thu và chi phí của từng loại hình dịch vụ, có thể chi tiết đên tài khoản cấp 2 để phản ánh bộ phận phát sinh chi phí.

Ví dụ: TK 6211: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của hoạt động lữ hành

TK 62111: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của hoạt động lữ hành phát sinh ở phòng hướng dẫn (nơi trực tiếp điều hành tour). TK 62112: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của hoạt động lữ hành phát sinh ở tổ xe.

Hệ thống sổ kế toán

Để thiết kế, xây dựng sổ kế toán chi tiết chi phí trong doanh nghiệp cần căn cứ vào yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp và đối tượng chi tiết mà doanh nghiệp đã xác định.

Yêu cầu: theo dõi chi tiết từng khoản mục chi phí, yếu tố chi phí kết hợp với việc nhận dạng chi phí biến đổi và chi phí cố định.

Nguyên tắc chung ghi sổ chi tiết chi phí là: những chi phí trực tiếp khi phát sinh sẽ được phản ánh trực tiếp vào sổ kế toán chi tiết tương ứng; những chi phí chung khi phát sinh được tập hợp chung, định kỳ phân bố chi phí này cho các đối tượng chịu chi phí liên quan. Cụ thể như sau:

Sổ chi tiết chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: ngoài việc theo dõi chi tiết theo loại NVL cần được mở thêm sổ chi tiết theo từng bộ phận kinh doanh.

Sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp: mở chi tiết theo bộ phận…

Sổ chi tiết chi phí sản xuất chung: cuối kỳ, kế toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại hoạt động từng đối tượng theo tiêu thức phù hợp.

Chi phí SXC nên được phân bổ theo biến phí SXC và định phí SXC. Để phân bổ theo biến phí SXC, ta dựa vào mức độ hoạt động (số đơn đặt hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ,…) để phân bổ, còn đối với định phí sản xuất chung thì nên phân bổ theo mức độ hoạt động dự toán đầu kỳ kinh doanh.

Ví dụ như chi phí chi phí xăng xe có thể phân bổ theo định mức tiêu hao, Đối với các chi phí sản xuất chung sẽ tập hợp và phân bổ theo doanh thu các hợp đồng của từng tour du lịch.

Sổ chi tiết chi phí bán hàng và sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp cũng có thể được thiết kế tương tự như mẫu sổ chi tiết chi phí sản xuất chung.

3.3.2.5. Hoàn thiện việc phân tích thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh phục vụ cho việc ra quyết định

Phân tích biến động doanh thu

Doanh thu cần được phân tích thông qua việc đánh giá tổng quát chung, sau đó đi xem xét từng chỉ tiêu cơ bản về các hoạt động đem lại doanh thu cho Công ty.

Phương pháp phân tích doanh thu chủ yếu dựa trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu giữa các kỳ nghiên cứu ***(Phụ lục 3.4).***

Việc phân tích doanh thu sẽ cho phép so sánh, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của các chỉ tiêu theo các khoản thời gian đồng thời tìm ra nguyên nhân của việc tăng, giảm doanh thu theo kế hoạch và thực hiện. Từ đó

có các giải pháp đúng đắn, kịp thời nhằm nâng cao doanh thu theo từng hoạt động.

Phân tích biến động chi phí

Việc phân tích biến động chi phí sẽ giúp doanh nghiệpcó thể xác định được khả năng tiềm tàng, nguyên nhân chủ quan khách quan tác động đến sự tăng giảm chi phí thực tế so với kế hoạch đặt ra trước đó. Từ đó, giúp nhà quản lý có những giải pháp đúng đắn và kịp thời để chấn chỉnh hoặc tiếp tục phát huy những biến động đó theo hướng có lợi cho doanh nghiệp.

Doanh nghiệpcó thể sử dụng các chỉ tiêu khác nhau để phân tích biến động chi phí ***(Phụ lục 3.5, 3.6).***

Phân tích hệ thống báo cáo KTQT

Hệ thống báo cáo kế toán KTQT ở công ty hiện nay chưa đầy đủ, chưa đồng bộ,… chưa đáp ứng được yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Để cung cấp thông tin cho nhà quản trị thực hiện chức năng kiểm soát, điều hành các hoạt động trong doanh nghiệp, cần thiết và xây dựng hệ thống báo cáo KTQT một cách khoa học, hợp lý.

Báo cáo nội bộ ở công ty cần bao gồm cả báo cáo nhanh (báo cáo tác nghiệp) và báo cáo định kỳ.

Đối với báo cáo nhanh: là những báo cáo được lập theo yêu cầu chỉ đạo giúp các nhà quản lý nắm bắt kịp thời xử lý đặc biệt phù hợp và rất cần cho hoạt động công ty vì mang tính thời vụ cao như công ty du lịch.

Báo cáo doanh thu cung cấp thông tin thường xuyên về tình hình bán hàng. Từ đó, các nhà quản trị sẽ biết được tình hình doanh thu thực tế và so sánh với số dự toán, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu của các bộ phận để điều chỉnh cho hiệu quả hơn.

Đối với báo cáo định kỳ: ngoài việc cung cấp thông tin nó còn giúp doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá ra quyết định. Các báo cáo này nên được

trình bày dưới dạng số liệu phân tích mang tính so sánh, kết hợp với phần thuyết minh và giải trình về các số liệu

Phân tích báo cáo KQHĐKD là một quá trình chọn lọc, tìm hiểu tương quan và đánh giá các dữ kiện trong hệ thống BCTC nhằm xác định kết quả HĐKD của từng hoạt động ở một kỳ kế toán nhất định: DT bán hàng, giá vốn hàng bán, chi phí HĐKD, lãi (lỗ).

Việc phân tích báo cáo kết quả kinh doanh sẽ cho phép doanh nghiệp đánh giá được các mặt hoạt động của doanh nghiệptrên các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận. Có thể so sánh bằng số tương đối hoặc số tuyệt đối để thấy được mức độ biến động của lợi nhuận; đồng thời cũng có thể đánh giá để thấy được cơ cấu lãi của doanh nghiệpbằng cách so sánh tỷ trọng lãi của từng hoạt động trong tổng lãi qua các năm để thấy được nguồn lợi nhuận chính của doanh nghiệpdo hoạt động nào mang lại ***(Phụ lục số 3.7, 3.8).***

3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

3.4.1. Về phía công ty

Công ty cần nhận thức được vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bản thân nhà quản lý của các doanh nghiệp cần nhận thức rõ về tầm quan trọng của hệ thống thông tin kế toán nói chung và hệ thống thông tin về chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Có như vậy các nhà quản lý mới thấy được sự cần thiết phải hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh và đảm bảo cho tính khả thi của các định hướng hoàn thiện như đã nêu trên.

Cần sớm hoàn thiện bộ máy quản lý trong đó bộ máy kế toán phù hợp theo phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán

Để có thể thực hiện hạch toán kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh như đã nêu trên, bộ máy kế toán cần được hoàn thiện tương xứng bằng việc đầu tư tuyển dụng các nhân viên có trình độ, bố trí sắp xếp công việc hợp lý phù hợp theo mô hình tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Cần chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán.

Công ty cần nhận thức được tầm quan trọng của các nhân viên kế toán. Nếu các nhân viên kế toán có trình độ cao thì họ có khả năng xây dựng được các thông tin hữu ích, thiết kế các báo cáo kế toán đặc thù một cách nhanh chóng để trợ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp.

Như vậy Công ty cần quan tâm đến việc cử người đi học các lớp tập huấn về chế độ kế toán, bồi dưỡng kiến thức về kế toán tài chính, về sử dụng máy vi tính cho cán bộ kế toán để nâng cao hiệu quả hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kế toán chi phí, doanh thu, kết quả nói riêng.

Cần tăng cường kiểm tra, kiểm toán nội bộ.

Bản thân Công ty phải nâng cao tầm quan trọng đối với việc kiểm tra, kiểm toán nội bộ như kiểm tra chứng từ, kiểm tra việc chấp hành chế độ ghi chép ban đầu, ghi chép trên sổ kế toán, kiểm tra việc lập báo cáo kế toán. Điều đó có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thiện hạch toán kế toán chi phí , doanh thu, kết quả kinh doanh.

Cần đầu tư cơ sở vật chất đúng mức cho hệ thống kế toán.Để có được các thông tin hữu ích, chính xác và kịp thời cho việc ra các quyết định kinh doanh, các doanh nghiệp cần đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tổ chức kế toán, để có thể tiết kiệm lao động giản đơn và chú trọng vào việc phân tích, xử lý các thông tin kế toán.

3.4.2. Về phía cơ quan quản lý nhà nước

Nhận thức đúng về mối quan hệ khăng khít giữa sản xuất và lưu thông, để phát triển và quản lý hiệu quả hệ thống phân phối, bên cạnh sự nỗ lực của các doanh nghiệp, phải coi trọng vai trò của Nhà nước với cơ chế chính sách phù hợp, năng động. Bằng công cụ quản lý vĩ mô và lực lượng vật chất của mình, Nhà nước vừa tổ chức, vừa điều tiết thị trường. Trong khuôn khổ cam kết quốc tế, Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam phát triển đủ sức cạnh tranh và hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực phân phối hàng hóa, phát triển hệ thống phân phối trên thị trường một cách hài hòa về quy mô, loại hình, nhóm hàng là tiền đề phát triển thị trường trong nước bền vững, đúng hướng và lành mạnh. Thông qua phát triển thị trường để phát triển sản xuất, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do vậy về phía Nhà nước cần:

Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế quản lý doanh nghiệp và tạo môi trường kinh tế và môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp.

Để có thể thực hiện đổi mới hệ thống kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu, kết quả kinh doanh nói riêng, bản thân các nhà quản trị doanh nghiệp cần nhận thức được tầm quan trọng của những thông tin mà hệ thống kế toán này cung cấp đối với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình. Muốn vậy, Nhà nước cần tạo dựng một môi trường kinh doanh thông thoáng trong đó kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc vào việc cạnh tranh bình đẳng trên cơ sở các thông tin kế toán cung cấp.

Về chính sách kế toán:

Cần có một chính sách kế toán phân định phạm vi phản ánh của kế toán tài chính và kế toán quản trị với các văn bản hướng dẫn thực hiện kế toán quản trị được ban hành từ phía cơ quan Nhà nước, vụ chế độ kế toán thuộc Bộ tài chính sẽ đảm trách nhiệm vụ này. Mặt khác, Hội kế toán Việt Nam với

vai trò là một tổ chức nghề nghiệp nên tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tổ chức thực hiện kế toán quản trị bằng việc đưa ra một số mô hình tổ chức kế toán quản trị phù hợp với từng loại doanh nghiệp, từng lĩnh vực kinh doanh cũng như phù hợp với từng loại quy mô doanh nghiệp.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về kế toán đồng bộ và thống nhất, đảm bảo tính thống nhất lôgíc với nhau trong một chuẩn mực hay giữa các chuẩn mực với nhau. Do vậy một mặt tiếp tục xây dựng hệ thống kế toán mặt khác phải luôn hoàn thiện hệ thống kế toán đáp ứng ngày càng cao việc thu thập, phản ánh, xử lý, cung cấp thông tin từ thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Về phía các tổ chức đào tạo, tư vấn về quản lý kinh tế, kế toán cần:

Phân định rõ chương trình, cấp bậc đào tạo từ thấp đến cao để giúp doanh nghiệp có một nhận thức đúng đắn về trình độ của người học trong chiến lược xây dựng nhân sự.

Thực hiện phương châm đào tạo gắn liền với thực tiễn và phục vụ cho việc phát triển thực tiễn thông qua tổ chức hội thảo kế toán, liên kết đào tạo theo nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp kinh doanh.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

Qua quá trình tìm hiệu, nghiên cứu thực tế tác giả nhận thấy rằng trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả nói riêng là có vai trò rất quan trọng đối với việc cung cấp các thông tin đáng giá cho quản trị kinh doanh. Việc hạch toán chính xác và đầy đủ các chi phí, doanh thu và xác định kết quả là điều kiện cần thiết để cung cấp nhanh chóng những thông tin về hoạt động kinh doanh của đơn vị và giúp cho nhà quản trị có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của đơn vị mình.

Trong bất kỳ một doanh nghiệp nào, mỗi quan hệ giữa ba yếu tố thu, chi và xác định kết quả kinh doanh cũng là một hệ thống có quan hệ nhân quả. Doanh thu và chi phí thể hiện nguyên nhân và thu nhập thể hiện kết quả. Mối quan hệ đó thể hiện ở chỗ nếu nguồn thu cao nhưng chi phí mà vượt quá doanh thu thì doanh nghiệp cũng không thể kinh doanh có lãi.

Thấy được tầm quan trọng và tính logic đó Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư rất chú trọng việc hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả.

Do sự hạn chế về hiểu biết và thời gian nghiên cứu tìm hiểu thực tế tại công ty có hạn nên luận văn này còn nhiều vấn đề chưa đề cấp đến hay mới chỉ lượt qua cùng với những thiếu sót là khó tránh khỏi. Do vậy, tác giả rất mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2006), *Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn*, NXB Tài chính.

2. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn (4) chuẩn mực kế toán Việt nam (đợt I)*.

3. Bộ tài chính (2002), *Quyết định số 65/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và cộng bố (06) chuẩn mực kế toán của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

4. Bộ tài chính (2004), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 6 chuẩn mực kế toán mới (đợt 3)*, NXB Tài chính, Hà Nội.

5. Bộ tài chính (2004), *Hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật kế toán, Luật thống kê,* NXB Tài chính, Hà Nội.

6. Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*.

7. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ (2013), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp,* NXB Tài chính.

8. Đặng Văn Thanh, Đoàn Xuân Tiên (2014), *Kế toán quản trị doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

9. Đặng Thị Loan (2016), *Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

10. Nguyễn Năng Phúc (2016), *Kế toán quản trị doanh nghiệp,* NXB Tài chính, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.1

Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

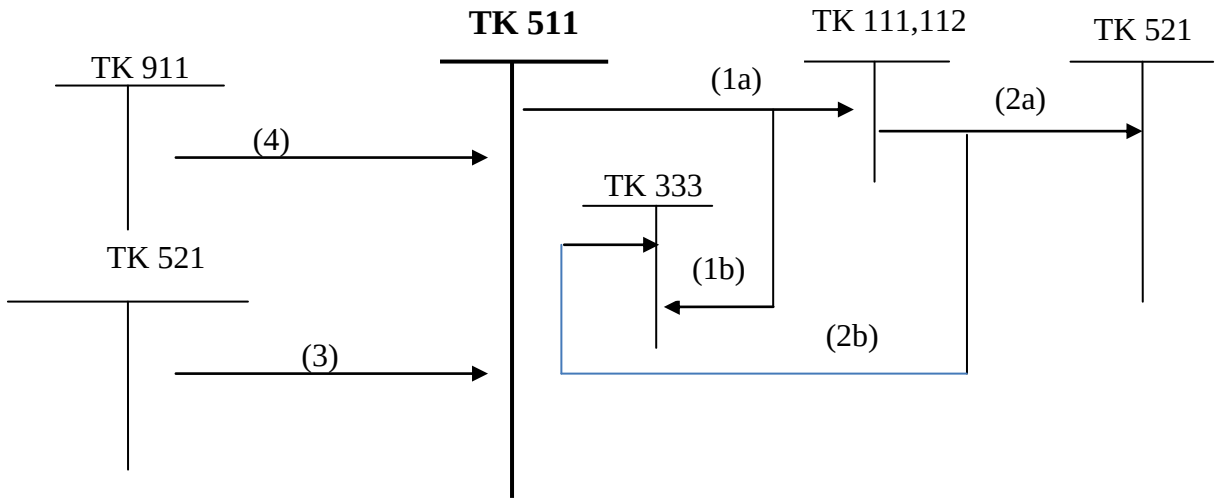

Diễn giải:

(1a): Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(1b): Thuế GTGT đầu ra

(2a): Doanh thu bán hàng bị trả lại, chiết khấu thương mại, bị giảm giá

(2b): Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại

(3): Kết chuyển doanh thu bán hàng bị trả lại, chiết khấu thương mại, bị giảm giá trong kỳ

(4): Kết chuyển doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Phụ lục 1.2

Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

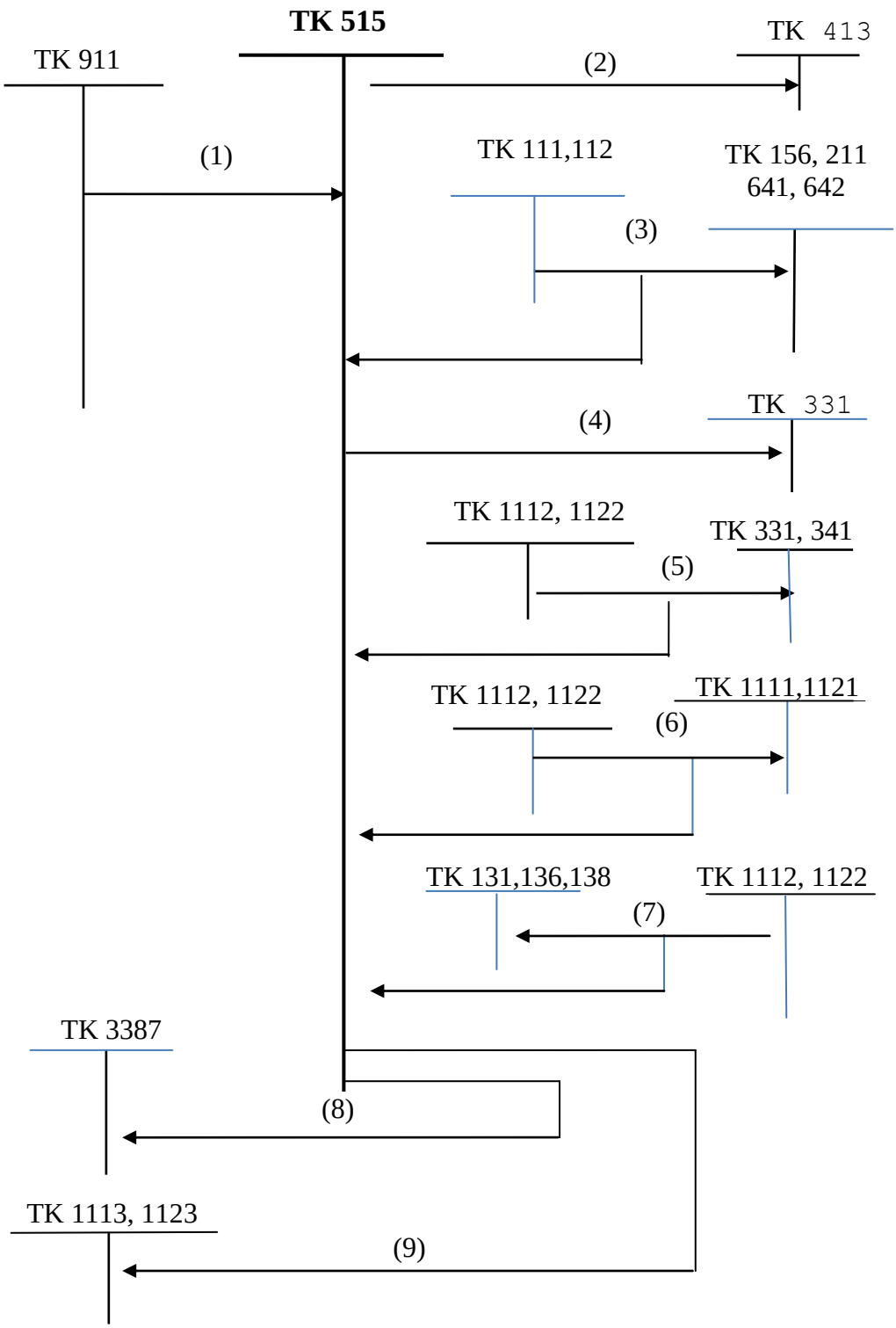

Diễn giải:

(1): Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định KQKD

(2): Kết chuyển toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại

(3): Mua hàng hóa, TSCĐ, các chi phí mua ngoài bằng ngoại tệ (phát sinh lãi TGHĐ)

(4): Số tiền chiết khấu thanh toán được hưởng thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (phát sinh lãi TGHĐ)

(5): Thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ (phát sinh lãi TGHĐ)

(6): Bán ngoại tệ đang nắm giữ (phát sinh lãi TGHĐ)

(7): Thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ (phát sinh lãi TGHĐ)

(8): Xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp trong kỳ

(9): Đánh giá lại vàng tiền tệ (phát sinh lãi TGHĐ)

Phụ lục 1.3

Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

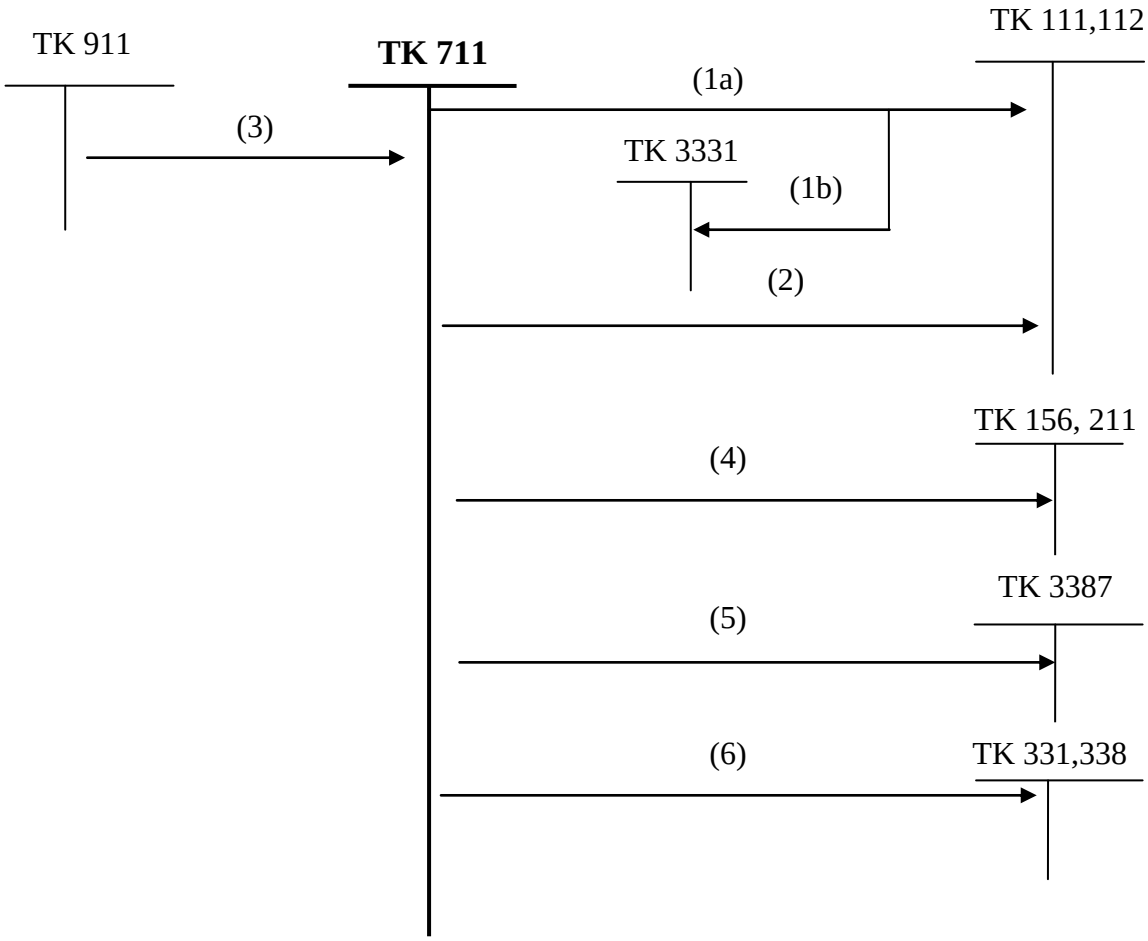

Diễn giải:

(1a): Thu nhập từ thanh lý nhượng bán TSCĐ

(1b): Thuế GTGT đầu ra

(2): Thu được từ nợ khó đòi đã xóa sổ

(3): Kết chuyển thu nhập khác trong kỳ để XĐKQKD

(4): Nhận tài trợ, biếu tặng hàng hóa, TSCĐ

(5): Phân bổ doanh thu chưa thực hiện nếu tính vào thu nhập khác

(6): Thu từ các khoản nợ không xác định được chủ

Phụ lục 1.4

Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

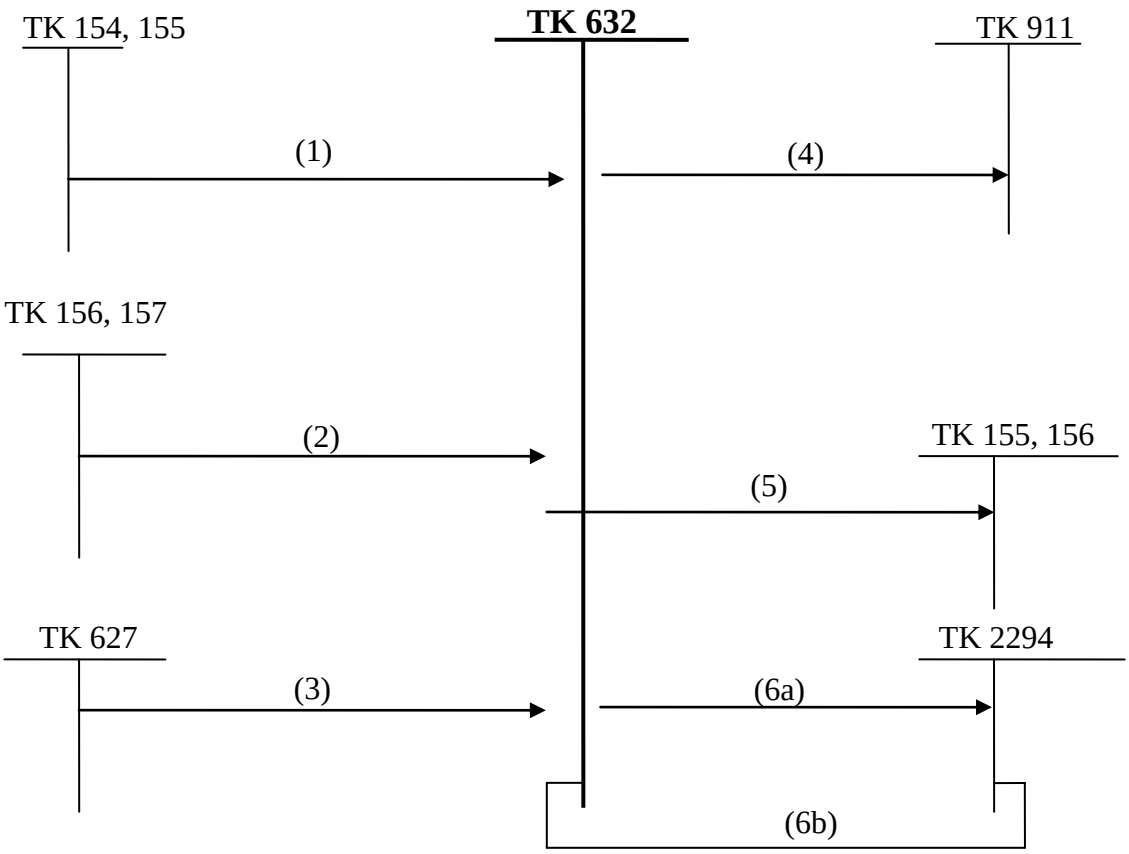

(1): Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ xuất bán

(2): Trị giá vốn hàng hóa xuất bán

(3): Chi phí SXC cố định không được phân bổ được ghi vào GVHB

(4): Kết chuyển GVHB và các chi phí khi xác định KQKD

(5): Hàng bán bị trả lại nhập kho

(6a): Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(6b): Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Phụ lục 1.5

Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

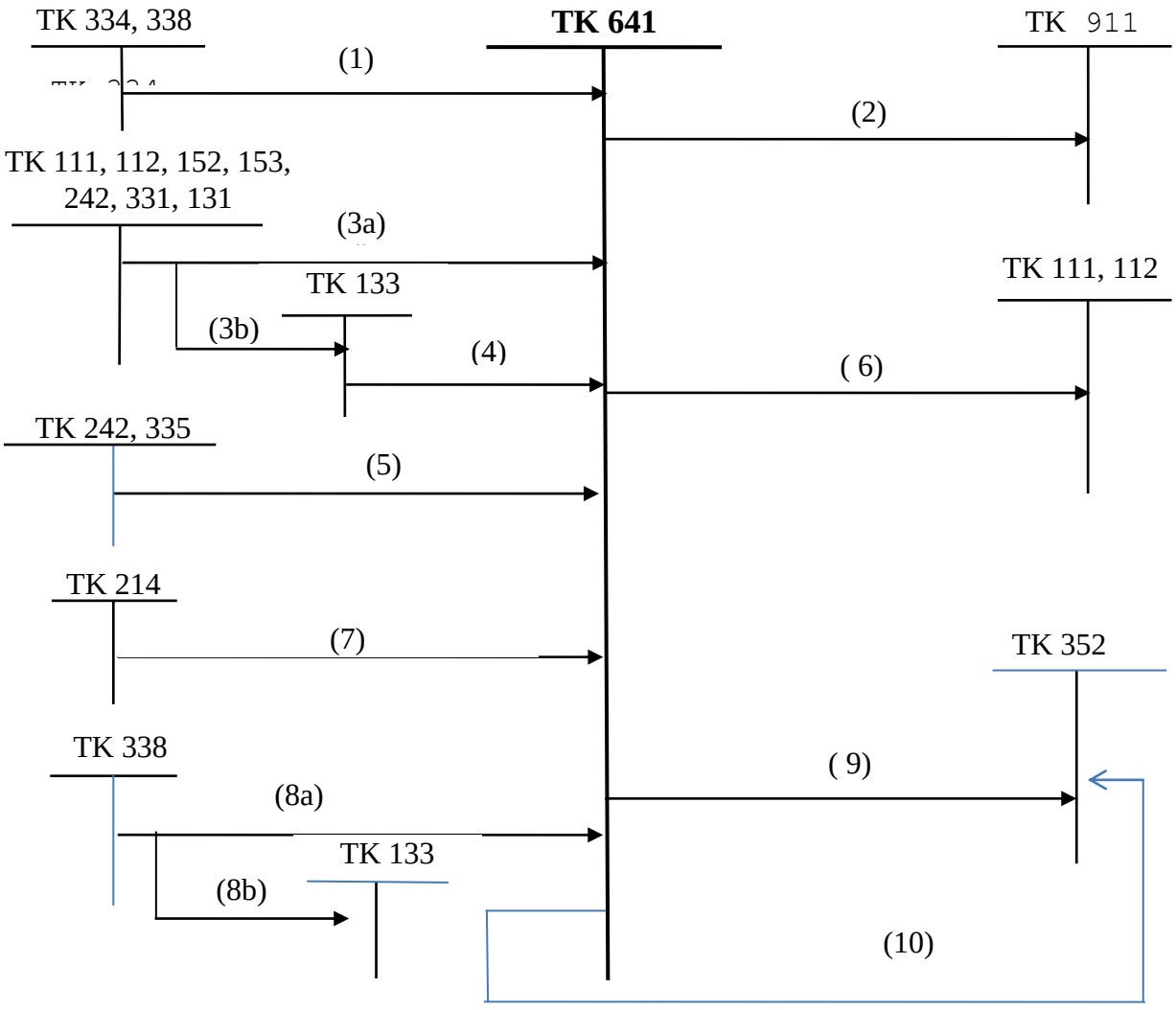

Diễn giải:

(1): Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản khác phải trả cho nhân viên bộ phận bán hàng, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, tiền ăn ca và các khoản trích trên lương .

(2): Cuối kỳ, kết chuyển CP BH để xác định KQKD

(3a): Chi phí mua vật liệu, công cụ, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ công tác bán hàng.

(3b): Thuế GTGT (nếu có)

(4): Thuế GTGT không được khấu trừ (hàng hóa, dịch vụ phục vụ bán hàng).

(5): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(6): Các khoản làm giảm chi phí bán hàng

(7): Khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng

(8a): Phải trả cho đơn vị nhận ủy thác XK (các khoản chi hộ hàng uỷ thác)

(8b): Thuế GTGT các khoản chi hộ (nếu có)

(9): Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa

(10): Trích lập dự phòng về chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa

Phụ lục 1.6

Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

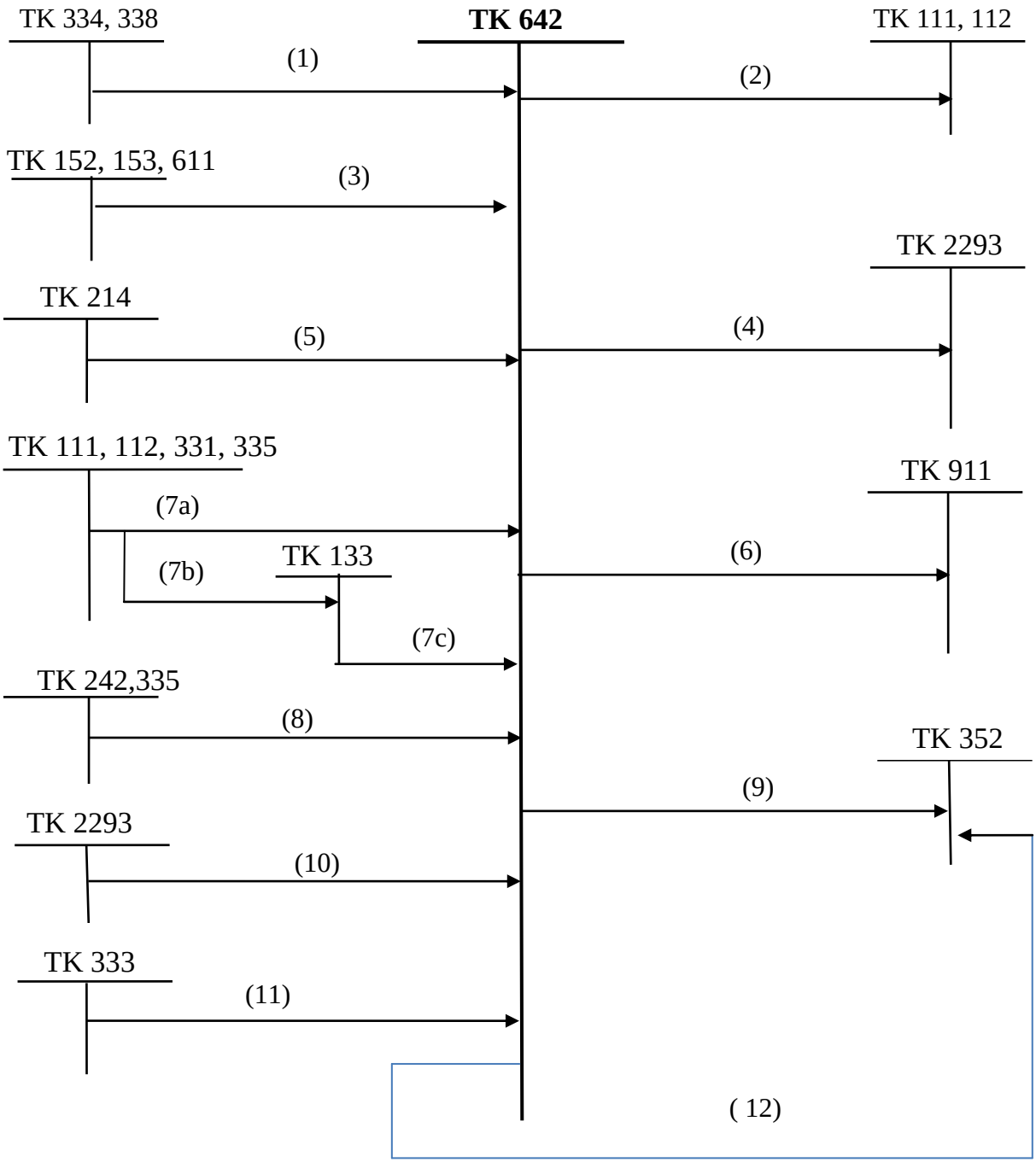

Diễn giải:

(1): Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản khác phải trả cho nhân

viên bộ phận QLDN, trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, tiền ăn ca và các khoản trích trên lương.

(2): Các khoản phát sinh ghi giảm chi phí QLDN

(3): Công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu thuộc QLDN

(4): Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số phải trích lập trong năm nay .

(5): Chi phí khấu hao TSCĐ

(6): Cuối kỳ, kết chuyển CP QLDN để xác định KQKD

(7a): Chi phí mua vật liệu, công cụ, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phục vụ công tác QLDN.

(7b): Thuế GTGT (nếu có)

(7b): Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ

(8): Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước

(9): Hoàn nhập dự phòng về chi phí bảo hành hàng hóa

(10): Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

(11): Thuế môn bài, thuế đất phải nộp NSNN

(12): Trích lập dự phòng phải trả về tái cơ cấu doanh nghiệp, HĐ có rủi ro lớn,dự phòng phải trả khác.

Phụ lục 1.7

Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

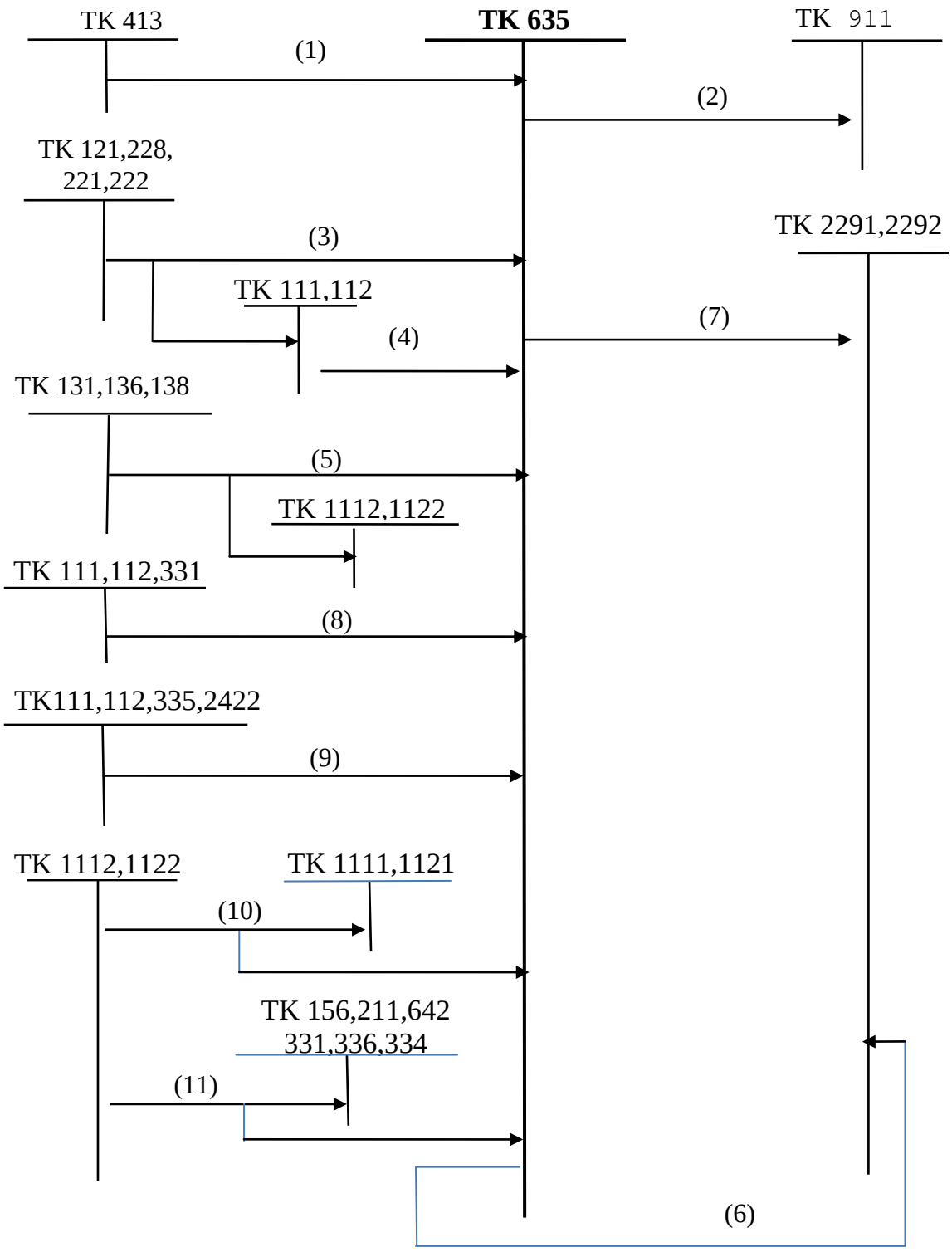

Diễn giải:

(1): Kết chuyển lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào chi phí tài chính .

(2): Cuối kỳ, kết chuyển CP QLDN để xác định KQKD

(3): Bán các khoản đầu tư (phát sinh lỗ TGHĐ)

(4): Chi phí hoạt động liên danh liên kết

(5): Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ (phát sinh lỗ TGHĐ)

(6): Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

(7): Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

(8): Chiết khấu thanh toán cho người mua

(9): Lãi tiền vay phải trả, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp

(10): Bán ngoại tệ (phát sinh lỗ TGHĐ)

(11): Mua hàng hóa, tài sản, thanh toán nợ bằng ngoại tệ (phát sinh lỗ TGHĐ).

Phụ lục 1.8

Sơ đồ hạch toán chi phí khác

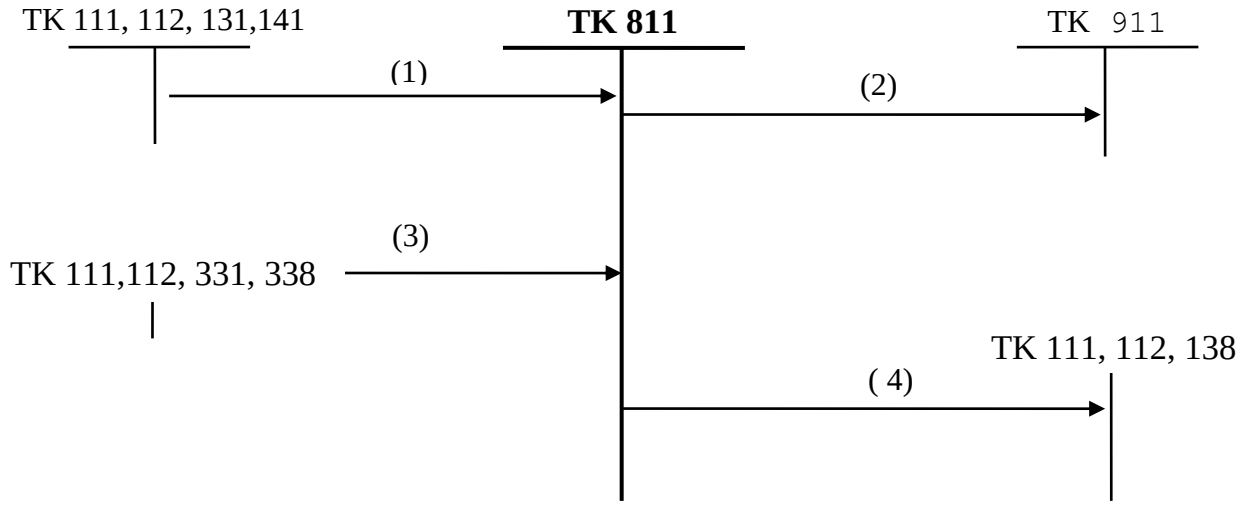

Diễn giải:

(1): Các chi phí khác phát sinh (chi cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ,..)

(2): Kết chuyển chi phí khác trong kỳ để XĐKQKD

(3): Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng

(4): Thu bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý TSCĐ

Phụ lục 1.9

Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

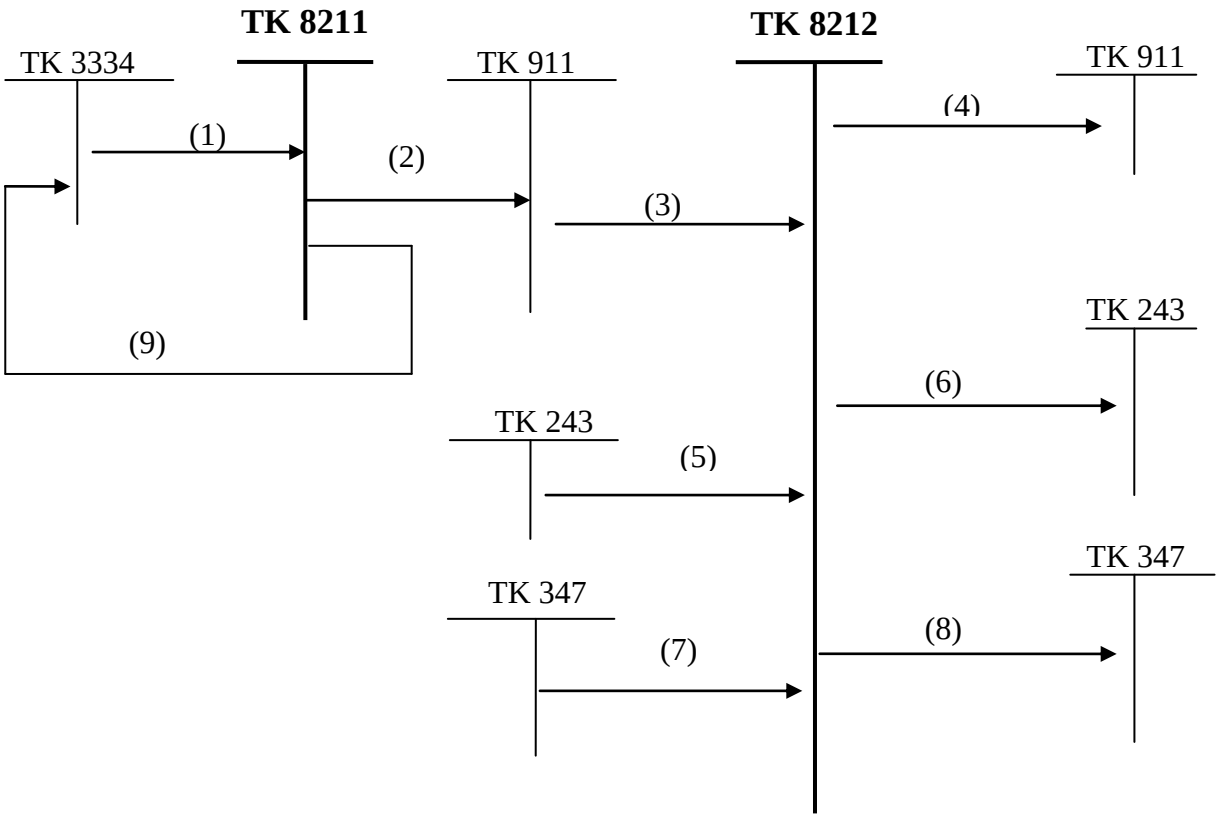

Diễn giải:

(1): Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ do DN tự xác định

(2): Các khoản phát sinh ghi giảm chi phí QLDN

(3): Kết chuyển chênh lệch số phát sinh có lớn hơn số phát sinh nợ TK 8122

(4): Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành

(5): Chênh lệch giữa số tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh nhỏ hơn số tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm.

(6): Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phát sinh lớn hơn số thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm.

(7): Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.

(8): Chênh lệch giữa số thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm.

(9): Chênh lệch số thuế TNDN tạm phải nộp lớn hơn số thuế phải nộp

Phụ lục 1.10

Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

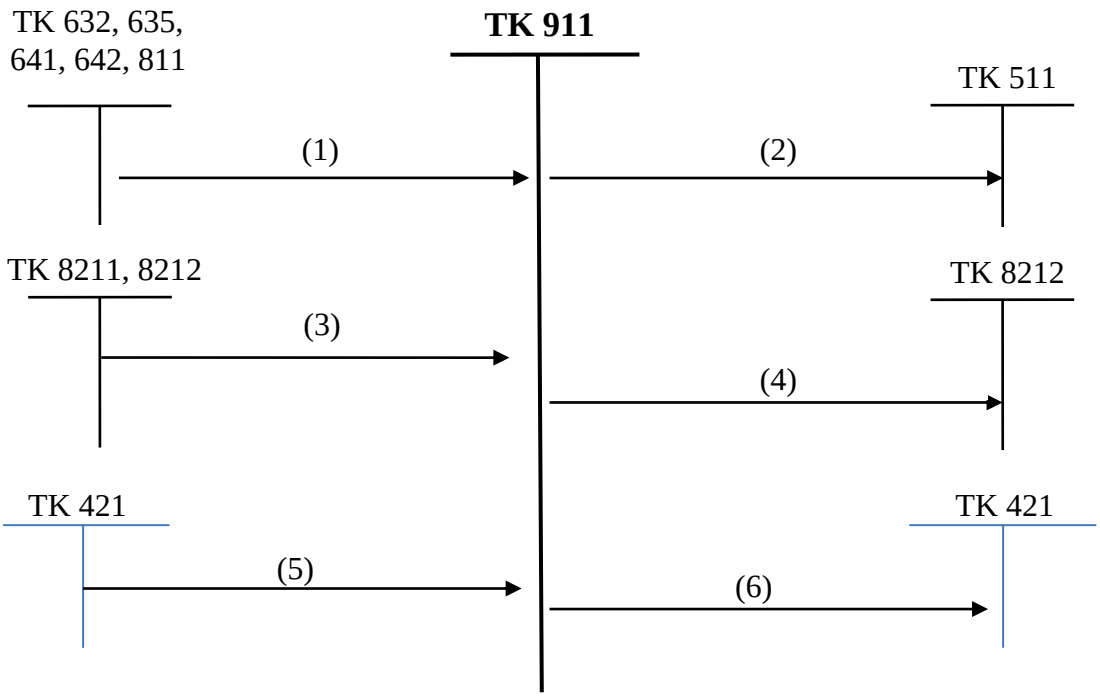

Diễn giải:

(1): Cuối kỳ, kết chuyển chi phí để xác định KQKD

(2): Cuối kỳ, kết chuyển DT, thu nhập để xác định KQKD

(3): Cuối kỳ, kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại để xác định KQKD.

(4): Kết chuyển giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại để xác định KQKD

(5): Cuối kỳ, kết chuyển lãi HĐKD trong kỳ để xác định KQKD

(6): Cuối kỳ, kết chuyển lỗ HĐKD trong kỳ để xác định KQKD

Phụ lục 2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

TOURISM TRADE AND INVESTMENT JSC

Địa chỉ: 16A Nguyễn Công Trứ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 084-38212700 Fax: 084-38212701

Mã số thuế: 0100107282

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫusố: 01GTKT3/001

Liên 1: lưu Ký hiệu:AA/11P

Ngày hóa đơn: 22/1/2019 Số hiệu: 0009223

Tên khách hàng: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

Địa chỉ: 12 Chu Văn An - Quận Ba Đình - Hà Nội

Mã số thuế: 0100109931-030

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Du lịch Hà Nội - Vũng Tàu				123.720.000
Cộng tiền hàng:					123.720.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			12.372.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					136.092.000
Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng./.*					

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Giám đốc**
(ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.2

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

CHỨNG TỪ GHI SỔ
Số CTGS00001
Ngày 31 tháng 1 năm 2019

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
1	2	3	4	5
DT Công đoàn UBND quận Hai Bà Trưng Tour Nha Trang	112	5111	165.000.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	112	331	16.500.000	
Doanh thu phải thu Công ty XD Thủy Hồng Tour Huế - Đà Nẵng	131	5111	123.000.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	131	331	12.300.000	
DT Agribank Ninh Bình Tour SaPa	112	5111	33.500.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	112	331	3.350.000	
Doanh thu phải thu của Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	131	5111	123.720.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	131	331	12.372.000	
DT công đoàn Trường Tiểu học Hướng Dương Tour TP HCM - Phú Quốc	112	5111	72.000.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	112	331	7.200.000	
Giá vốn Công đoàn UBND quận Hai Bà Trưng Tour Nha Trang	6321	1541	137.500.000	
Giá vốn Công ty XD Thủy Hồng Tour Huế - Đà Nẵng	6321	1541	102.500.000	
Giá vốn Agribank Ninh Bình Tour SaPa	6321	1541	23.500.000	
Giá vốn BV ĐK Xanh Pôn Tour HN - Vũng Tàu	6321	1541	99.350.000	
Giá vốn công đoàn Trường TH Hướng Dương Tour TP HCM - Phú Quốc	6321	1541	58.965.000	
Bồi thường vi phạm hợp đồng	111	711	6.500.000	
Thanh lý xe Transit 16 chỗ	112	711	150.000.000	
Thuế GTGT	112	133	15.000.000	
Chi phí thanh lý TSCĐ	811	111	2.350.000	

Hoa hồng cho người môi giới	641	112	1.030.503	
Chi phí tiếp khách	642	112	45.000.000	
Lương & các khoản trích theo lương nhân viên	642	334	253.052.000	
Lãi tiền gửi ngân hàng	112	515	5.707.027	
……	…….	……	……	
……	…….	……	……	
Cộng				

Kèm theo…..chứng từ gốc.

Ngày…….tháng……năm……..

Người lập **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

Phụ lục 2.3

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 5111 Doanh thu lữ hành

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ			0	
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	112		270.500.000	
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	131		246.720.000	
……	…….	……	……	……..	…	……	
			- Cộng số phát sinh				
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng…….....năm……..

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.4

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 515 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ			0	
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	112		5.707.027	
……	…….	……	……	……	……	…….	
	CTGS 00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	911	74.955.296		
			- Cộng số phát sinh		**74.955.296**	**74.955.296**	
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng……..năm……

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.5

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 711 Doanh thu hoạt động khác

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ			0	
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	111		6.500.000	
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	112		150.000.000	
……	…….	……	……..	……..	……	…….	
31/12/2019	CTGS 00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	911	251.063.077		
			- Cộng số phát sinh		**251.063.077**	**251.063.077**	
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng…….....năm……..

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.6

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 6321 Giá vốn lữ hành

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ		0		
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	1541	421.815.000		
……	…….	……	……	……..	……	…...…….	
31/12/2019	CTGS 00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	911		7.005.220.000	
			- Cộng số phát sinh		**7.005.220.000**	**7.005.220.000**	
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng…….....năm……..

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.7

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 641 Chi phí bán hàng

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ		0		
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS 00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	112	1.030.503		
……	…….	……	……	……..	……	….....	
			- Cộng số phát sinh				
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng…….....năm……..

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.8

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI

(Dùng cho chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tài khoản: 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ		0		
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	112	45.000.000		
31/01/2019	CTGS00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	334	250.052.000		
……	…….	……	……	…	…….	….	
			- Cộng số phát sinh				
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng…….....năm……..

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.9

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI

(Dùng cho chứng từ ghi sổ)

Năm 2019

Tài khoản: 635 Chi phí hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ		0		
			- Số phát sinh trong kỳ				
30/03/2019	CTGS00003	30/03/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 3/2019	112	62.765.769		
……	…….	……	……	…	……	…..	
			- Cộng số phát sinh				
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng……..năm……

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.10

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 811 Chi phí khác

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ		0		
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/01/2019	CTGS00001	31/01/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 1/2019	111	2.350.000		
……	…….	……	……	…	……	…...	
			- Cộng số phát sinh				
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng……..năm……

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.11

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

CHỨNG TỪ GHI SỔ
Số CTGS00012
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
1	2	3	4	5
Kết chuyển doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	20.972.227.637	
Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	74.955.296	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	291.133.289	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	10.130.082.136	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	2.333.333	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	4.929.781.216	
Kết chuyển chi phí HĐTC	911	635	251.063.077	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	5.931.294.319	
Kết chuyển lợi nhuận chưa PP	911	421	93.762.141	
Cộng				

Kèm theo…..chứng từ gốc.

Ngày…….tháng……năm……..

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ lục 2.12

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

SỔ CÁI
(Dùng cho chứng từ ghi sổ)
Năm 2019

Tài khoản: 911 Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			- Số dư đầu kỳ				
			- Số phát sinh trong kỳ				
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	511		20.972.227.637	
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	515		74.955.296	
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	711		291.133.289	
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	632	10.130.082.136		
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	641	2.333.333		
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	642	4.929.781.216		
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	635	251.063.077		
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	811	5.931.294.319		
31/12/2019	CTGS00012	31/12/2019	Chứng từ ghi sổ tháng 12/2019	421	93.762.141		
			- Cộng số phát sinh		**21.338.316.222**	**21.338.316.222**	
			- Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có……trang, đánh số trang từ số 01 đến trang …..
- Ngày mở sổ……

Ngày……tháng……..năm……

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.13

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

DỰ TOÁN DOANH THU
Năm 2019
Đơn vị tính: đồng

Tháng	Năm 2019	Năm 2018
Tháng 1	1.500.000.000	1.320.365.000
Tháng 2	2.200.000.000	1.894.002.735
Tháng 3	1.150.000.000	1.054.038.159
Tháng 4	1.000.000.000	906.472.025
Tháng 5	1.700.000.000	956.125.415
Tháng 6	1.300.000.000	1.094.633.215
Tháng 7	2.000.000.000	1.596.325.024
Tháng 8	1.025.000.000	954.603.200
Tháng 9	900.000.000	832.651.700
Tháng 10	1.000.000.000	856.245.342
Tháng 11	800.000.000	732.674.019
Tháng 12	800.000.000	649.400.622
Cả năm	**15.375.000.000**	**12.847.536.456**

……....., ngày 10 tháng 01 năm 2019

Người lập	TP kinh doanh	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.14

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MST: 0100107282

DỰ TOÁN CHI PHÍ TOUR

Chương trình tour: Hà Nội – Sapa

Thời gian: 02 ngày 01 đêm

TT	Mục	Nội dung	Số lượng	Số tiền		Chi phí/người
				Biến đổi	Cố định	
1	Khách sạn	Sapa Centre		400.000		400.000
2	Ăn	trưa, tối		250.000		250.000
		trái cây		100.000		100.000
3	Nước uống			30.000		30.000
4	Phí tham quan	Núi Hàm Rồng		70.000		70.000
		Thác Bạc		20.000		20.000
		Thác Tình yêu		75.000		75.000
		Cổng trời		80.000		80.000
		Bản Cát Cát		70.000		70.000
5	Xe	29 chỗ			6.000.000	206.897
6	Hướng dẫn				1.350.000	46.552
7	Quà tặng			0		0
	Tổng cộng			**1.095.000**	**7.350.000**	**1.348.449**
	CPQL (20%)				**1.689.000**	**58.241**
	Giá bán (20%)					**1.688.028**

……., ngày 15 tháng 01 năm 2019

Người lập	TP kinh doanh	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.15

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

BÁO CÁO PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
CHI PHÍ				
Giá vốn hàng bán	9.549.290.665	10.130.082.136	580.791.471	6,08%
Chi phí hoạt động tài chính	18.155.428	251.063.077	232.907.649	1282,85%
Chi phí bán hàng	183.878.038	2.333.333	(181.544.705)	-98,73%
Chi phí QLDN	4.197.895.231	4.929.781.216	731.885.985	17,43%
Chi phí khác	859.137.097	5.931.294.319	5.072.157.222	590,38%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	0	
DOANH THU				
Tổng DT BH&CCDV	12.847.536.456	20.972.227.637	8.124.691.181	63,24%
DT tài chính	218.208.096	74.955.296	(143.252.800)	-65,65%
TN khác	1.077.515.273	291.133.289	(786.381.984)	-72,98%
Lợi nhuận sau thuế	**(665.096.634)**	**93.762.141**	**758.858.775**	**-114,10%**

……., ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập	TP kinh doanh	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 2.16

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư

Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MST: 0100107282

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DOANH THU

Năm 2019

ĐVT: đồng

Tháng	Năm 2018	Năm 2019		Chênh lệch tuyệt đối	Chênh lệch tương đối
		KH	TH	(4)=(3)-(2)	(5)=(4)/(2)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	1.320.365.000	1.500.000.000	1.409.726.534	(90.273.466)	-6,02%
2	1.894.002.735	2.200.000.000	2.653.604.781	453.604.781	20,62%
3	1.054.038.159	1.150.000.000	1.967.820.147	817.820.147	71,11%
4	906.472.025	1.000.000.000	1.625.350.167	625.350.167	62,54%
5	956.125.415	1.700.000.000	1.406.785.246	(293.214.754)	-17,25%
6	1.094.633.215	1.300.000.000	1.978.459.712	678.459.712	52,19%
7	1.596.325.024	2.000.000.000	2.656.751.462	656.751.462	32,84%
8	954.603.200	1.025.000.000	1.489.720.125	464.720.125	45,34%
9	832.651.700	900.000.000	1.678.952.154	778.952.154	86,55%
10	856.245.342	1.000.000.000	1.954.715.483	954.715.483	95,47%
11	732.674.019	800.000.000	1.225.453.164	425.453.164	53,18%
12	649.400.622	800.000.000	924.888.662	124.888.662	15,61%
Cả năm	**12.847.536.456**	**15.375.000.000**	**20.972.227.637**	**5.597.227.637**	**36,40%**

……., ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập	TP kinh doanh	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.1

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư
Địa chỉ: Số 16A Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
MST: 0100107282

DỰ TOÁN DOANH THU

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Tháng	Lữ hành		Vân chuyển		Đại lý vé máy bay		Bán nội thất		Khác		Tổng	
	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019	2018	2019
Tháng 1												
Tháng 2												
Tháng 3												
Tháng 4												
Tháng 5												
Tháng 6												
Tháng 7												
Tháng 8												
Tháng 9												
Tháng 10												
Tháng 11												
Tháng 12												
Cả năm												

……., ngày 10 tháng 01 năm 2019

Người lập	TP kinh doanh	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.2

DỰ TOÁN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm.....

Đơn vị tính: đồng

Dịch vụ	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp	Chi phí BH	Chi phí QLDN	Lợi nhuận trước thuế	Thuế TNDN	Lợi nhuận sau thuế
QUÝ 1								
Lữ hành								
Vận chuyển								
...								
Cộng								
QUÝ 2								
Lữ hành								
Vận chuyển								
...								
Cộng								
QUÝ 3								
Lữ hành								
Vận chuyển								
...								
Cộng								
QUÝ 4								
Lữ hành								
Vận chuyển								
...								
Cộng								

……., ngày ...tháng ... năm ...

Người lập | **Giám đốc**

(Ký, họ tên) | *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.3

DỰ TOÁN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm…….

Đơn vị tính: đồng

Dịch vụ	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận thuần	Chi phí bán hàng	Chi phí QLDN	Lợi nhuận trước thuế	Thuế TNDN	Lợi nhuận sau thuế
Lữ hành								
Vận chuyển								
...								
Cộng								

……, ngày ..... tháng ……. năm ……

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.4

BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG DOANH THU

Năm 2019

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện kỳ trước	Kỳ này		Thực hiện so với KH	
		KH	TH	Kỳ trước	Kỳ này
Doanh thu cung cấp dịch vụ					
- Lữ hành					
- Vận chuyển					
……					
Tỷ trọng/DT					
- Lữ hành					
- Vận chuyển					
……					
DT từ hoạt động tài chính					
Thu nhập khác					

Phụ lục 3.5

BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG GIÁ VỐN HÀNG BÁN
HOẠT ĐỘNG LỮ HÀNH

Năm....

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch		Mức độ ảnh hưởng		Nguyên nhân
			+-	%	C/L do giá	C/L do khối lượng	
Tour Hà Nội - Sapa 2 ngày 1 đêm							
Khách sạn							
Ăn							
Tham quan							
……							
Tổng giá vốn							
Tour Hà Nội - TP HCM - Vũng Tàu 4 ngày 3 đêm							
Khách sạn							
Ăn							
Tham quan							
……							
Tổng giá vốn							
……..							
Tổng giá vốn hàng bán							

……., ngày ..... tháng ……. năm ……

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.6

BẢNG PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ BÁN HÀNG

Năm....

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch		
			+-	%	Nguyên nhân
Biên phí bán hàng					
Lương kinh doanh					
Định phí bán hàng					
Lương NV bán hàng					
(lương cơ bản, phụ cấp, các khoản trích theo lương)					
Quảng cáo					
Hoa hồng môi giới					
Chi phí khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng					
Chi phí dụng cụ, đồ dùng					
Tổng định phí bán hàng					
Chi phí hỗn hợp					
CP dịch vụ mua ngoài					
CP bằng tiền khác					
Tổng CP hỗn hợp					
Tổng CP bán hàng					

……., ngày ..... tháng ……. năm ……

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.7

BẢNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm....

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	KH		TH		So sánh TH/KH	
	Lượng	***Tỷ trọng***	***Lượng***	***Tỷ trọng***	**+-**	***%***
l. Doanh thu						
2. Giá vốn hàng bán						
3. Chi phí bán hàng						
4. Chi phí quản lý						
5. Lãi thuần						
6. Chi phí tài chính						
7. LN trước thuế						
8. Thuế TNDN						
9. LN sau thuế						

……., ngày ..... tháng ……. năm ……

Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Phụ lục 3.8

BẢNG PHÂN TÍCH BÁO CÁO BÁN HÀNG

Năm ...

Dich vụ		DT	Giá vốn	CPBH Phân bổ	CPQLDN phân bổ	Lợi nhuận
Lữ hành	KH					
	TH					
Vận chuyển	KH					
	TH					
……	KH					
	TH					
Tổng cộng	**KH**					
	TH					